

# BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



THỊ TRƯỜNG HƯỚNG ĐẾN MỐC 1700

Ngày: 01/12/2025 – 05/12/2025

# NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN



# TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

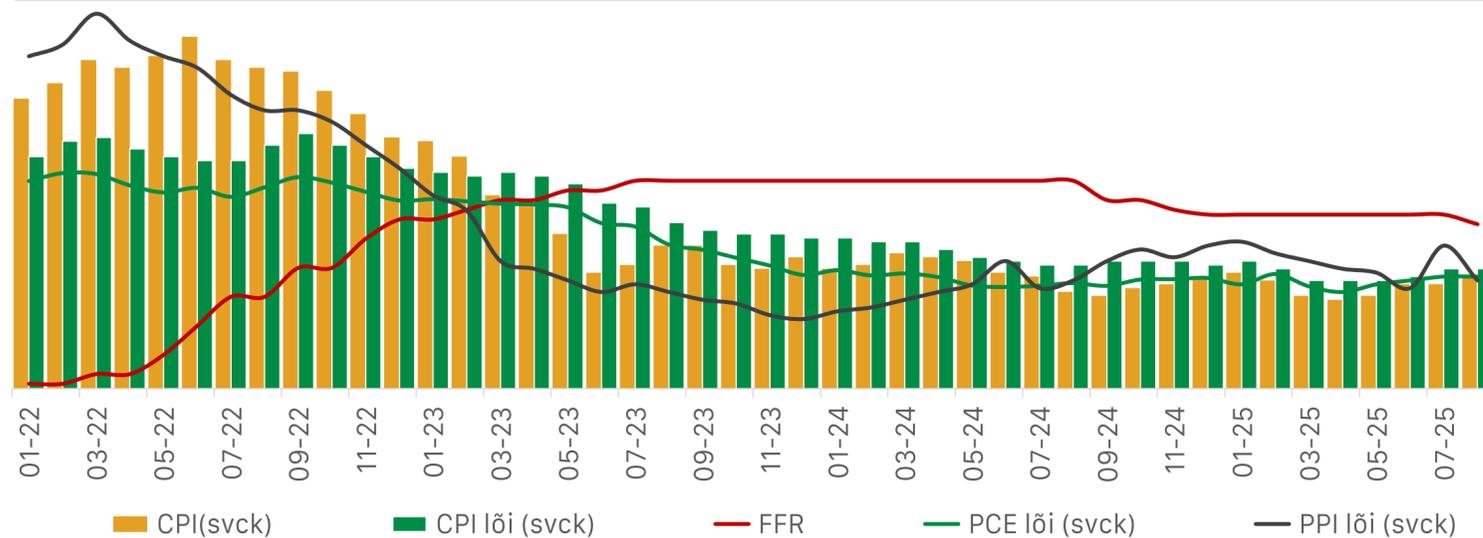


# Mỹ đang chứng lại — tăng trưởng yếu, lạm phát dai dẳng và chính sách Fed vẫn trong trạng thái chờ đợi



nền kinh tế Mỹ đang trải qua giai đoạn “chứng lại có kiểm soát”: sản xuất yếu, nhưng tiêu dùng và dịch vụ kéo, lạm phát không bùng nhưng vẫn duy trì mức cao. Trong bối cảnh đó, Fed đang ở vị thế chờ đợi, đánh giá từng dữ liệu rồi mới quyết định. Kịch bản cơ sở là Fed sẽ thực hiện 1 lần cắt lãi (~25 bp) trước cuối năm hoặc đầu 2026 nếu dữ liệu tiếp tục yếu — đặc biệt là việc làm và PCE lõi không vượt kỳ vọng. Ngược lại, nếu lạm phát bật lại hoặc việc làm mạnh hơn dự kiến, Fed sẽ trì hoãn cắt hoặc giữ lãi lâu hơn. Điều này có nghĩa là USD có khả năng duy trì ở mức cao trong ngắn hạn và lợi suất dài hạn sẽ tiếp tục phản ứng mạnh với mỗi bản tin dữ liệu mới. Nhà đầu tư và nhà hoạch định nên theo dõi sát: (i) số liệu việc làm hàng tháng (NFP, claims), (ii) PCE/core-PCE & CPI hàng tháng, và (iii) phản ứng thị trường vốn — lợi suất kho bạc 2Y/10Y.

## Lạm phát lõi hạ nhẹ nhưng vẫn gần vùng mục tiêu — Fed hành xử thận trọng

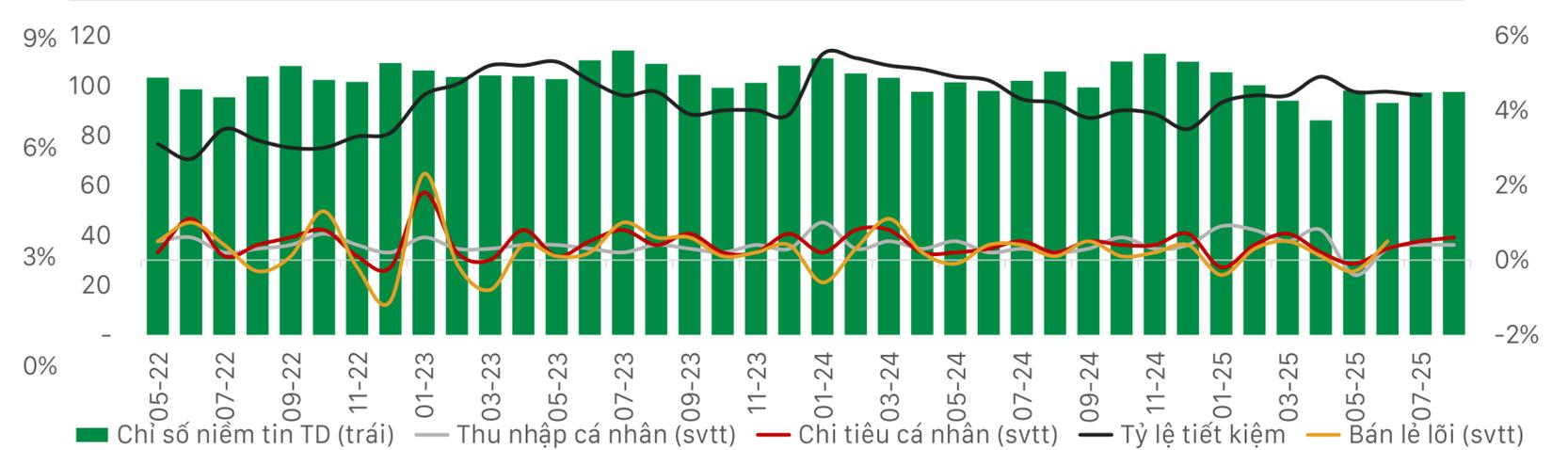


**Hoạt động sản xuất tiếp tục suy yếu.** Sản xuất của Mỹ trong tháng 11 rơi xuống mức thấp nhất 4 tháng — PMI sản xuất giảm còn 51.9, đơn hàng mới giảm mạnh và tồn kho hàng hoàn thành tăng lên mức cao kỷ lục. Sự suy yếu này cho thấy cú sốc từ giá đầu vào và nhu cầu ngoài nước đang bắt đầu lan sang sản xuất nội địa, làm suy giảm nền tảng tăng trưởng trước các ngành khác.

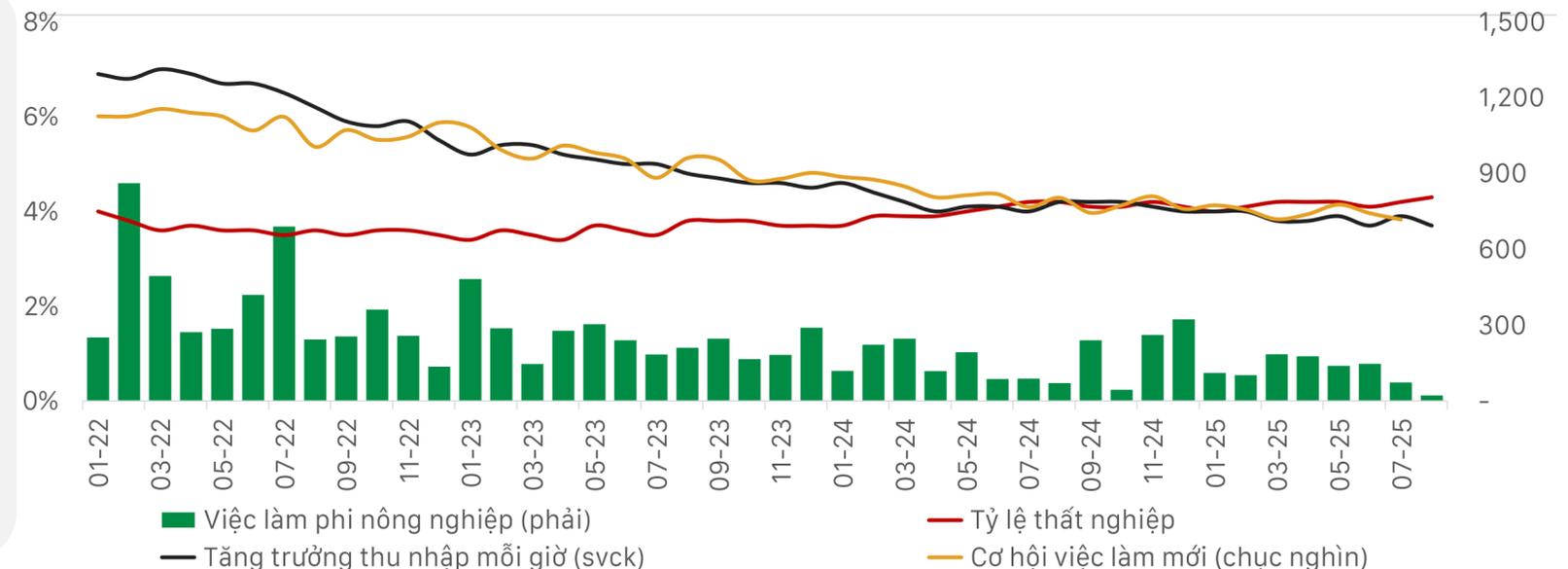
**Tiêu dùng và việc làm vẫn bền, nhưng dấu hiệu phân hoá sâu.** Tiêu dùng và thị trường lao động vẫn là điểm sáng nhưng đang thiên về nhóm thu nhập cao nhất, trong khi tầng lớp trung thấp chịu ảnh hưởng lớn từ lạm phát và tăng trưởng thu nhập chậm.

**Fed hành động từng bước — cắt lãi có thể xảy ra nhưng phụ thuộc dữ liệu.** Fed đã mở cửa nới lỏng nhưng không vội, do lạm phát vẫn gần mục tiêu và việc làm chưa rõ ràng; điều này tạo vô số kịch bản thị trường về lãi suất, USD và chi phí vốn.

## Dấu hiệu suy yếu lao động và lo ngại về tiêu dùng — tâm lý người tiêu dùng giảm sâu

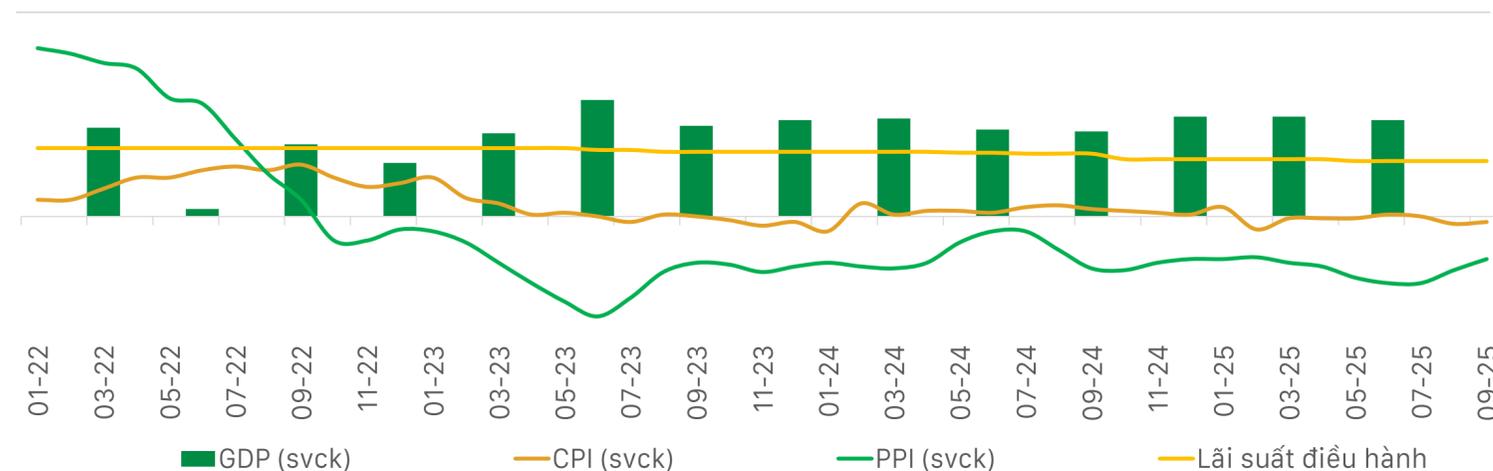


## Báo cáo lao động chính thức bị gián đoạn — khiến Fed phải “dò đường” bằng nguồn thay thế



Nền kinh tế Trung Quốc cho thấy tăng trưởng vẫn duy trì nhưng không đồng đều và dễ bị lung lay: sản xuất và đầu tư yếu, tiêu dùng không bất phá, còn xuất khẩu và công nghệ là điểm sáng. Kịch bản cơ sở là tăng trưởng năm 2025 sẽ ở khoảng 4.8%–5.0%, nhưng để hướng tới cao hơn và bền hơn, Bắc Kinh cần kích thích tiêu dùng và tái cấu trúc đầu tư. Trong trường hợp tiêu dùng không hồi phục, khả năng chính sách hỗ trợ (giảm lãi, tăng chi tiêu công) sẽ đẩy mạnh trong đầu 2026 — ngược lại nếu xuất khẩu hoặc công nghệ gặp cú sốc, tăng trưởng có thể trượt dưới 4.5%.

## Chính sách hỗ trợ tiếp tục có chọn lọc, không "xả lực" đại trà

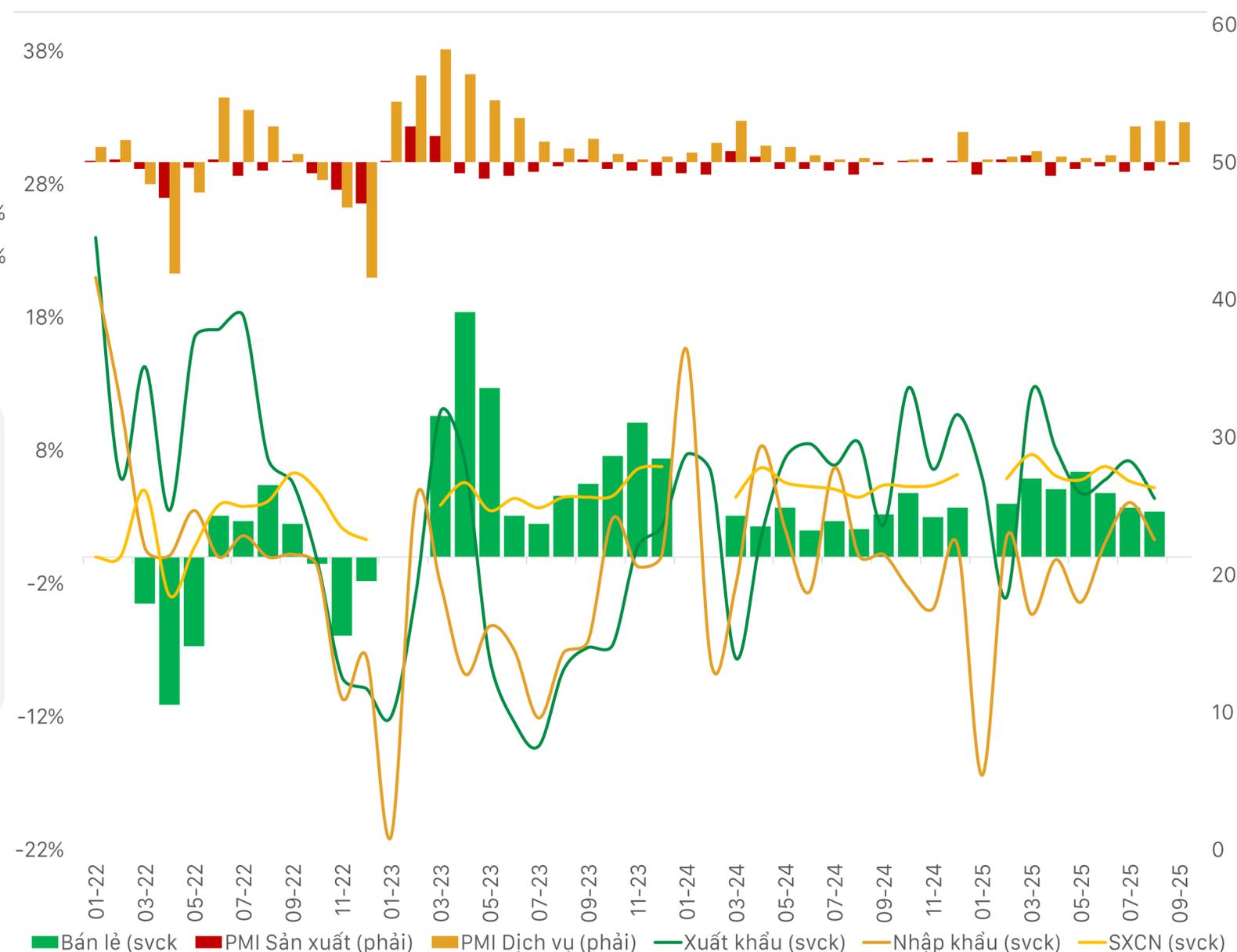


**Sản xuất và bán lẻ lần lượt ghi nhận mức thấp mới trong tháng 10.** Chỉ số sản xuất công nghiệp và bán lẻ tăng trưởng yếu nhất trong hơn một năm, cho thấy sức kéo từ nội địa gần như mất.

**Xuất khẩu và công nghệ giữ vai trò trụ đỡ tăng trưởng.** Q3 GDP tăng 4.8% y/y nhờ xuất khẩu, các nhà phân tích nâng dự báo tăng trưởng 2025 lên khoảng 5%.

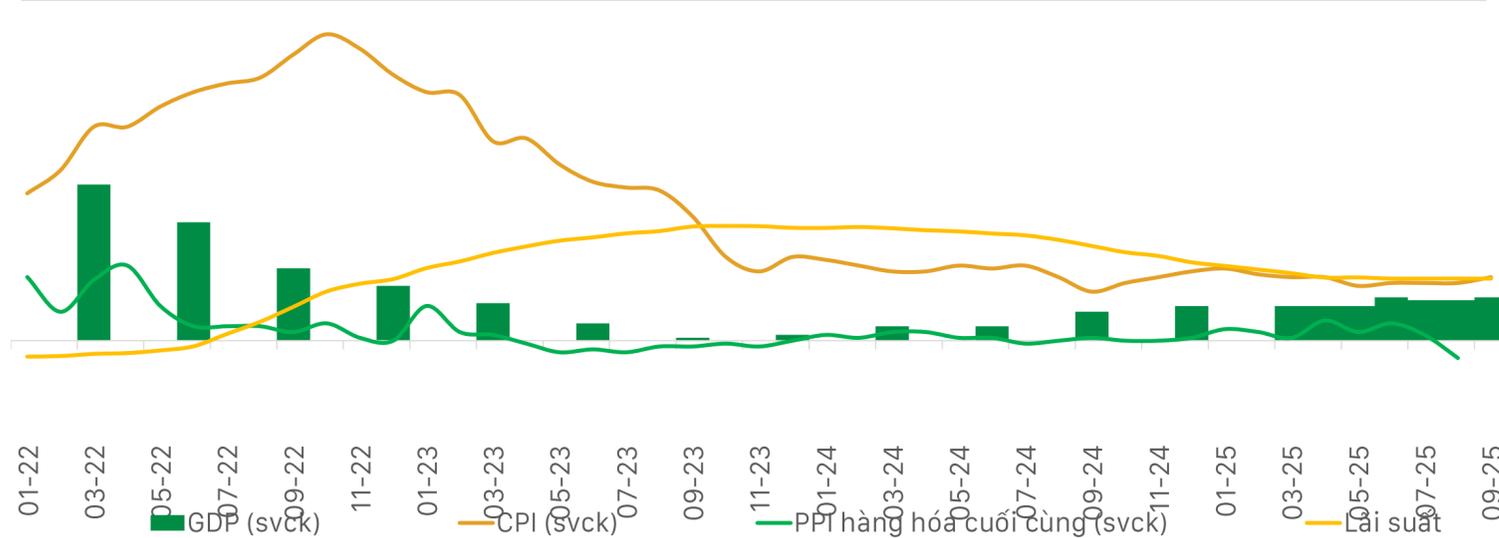
**Đầu tư suy yếu và mô hình tăng trưởng đang bị thử thách.** Đầu tư tài sản cố định tiếp tục giảm, kéo dài chuỗi giảm thứ 5 liên tiếp, phản ánh rủi ro trong cơ cấu đầu tư.

## Sản xuất và xuất khẩu giữ vai trò "xương sống tăng trưởng".



Khu vực đồng euro vận hành ở trạng thái “ổn định nhưng dễ tổn thương”: lạm phát đã lùi về gần mục tiêu nên ECB có không gian tạm dừng, nhưng nền tảng tăng trưởng vẫn mỏng và phân hoá — dịch vụ là điểm sáng ngắn hạn, trong khi sản xuất (đặc biệt ở Đức, Ý, Pháp một số thời điểm) còn yếu. Kịch bản cơ sở: trong 1–2 quý tới ECB giữ lãi và chỉ cắt hoặc siết thêm nếu chuỗi HICP/core-CPI, dữ liệu việc làm và PMI cho thấy xu hướng rõ rệt; khả năng cắt lãi sớm thấp trừ khi lạm phát tụt sâu và kéo dài. Rủi ro chính gồm: (i) cú sốc năng lượng/giá khí đốt làm bật headline lên lại, (ii) suy yếu lan rộng ở ngành sản xuất gây đà giảm GDP, và (iii) bất ổn chính trị làm xói mòn niềm tin đầu tư — bất kỳ trường hợp nào cũng có thể buộc ECB và các chính phủ phải phối hợp chính sách tiền tệ-tài khóa mạnh hơn.

## Lạm phát quanh ~2% — giảm áp lực chính sách

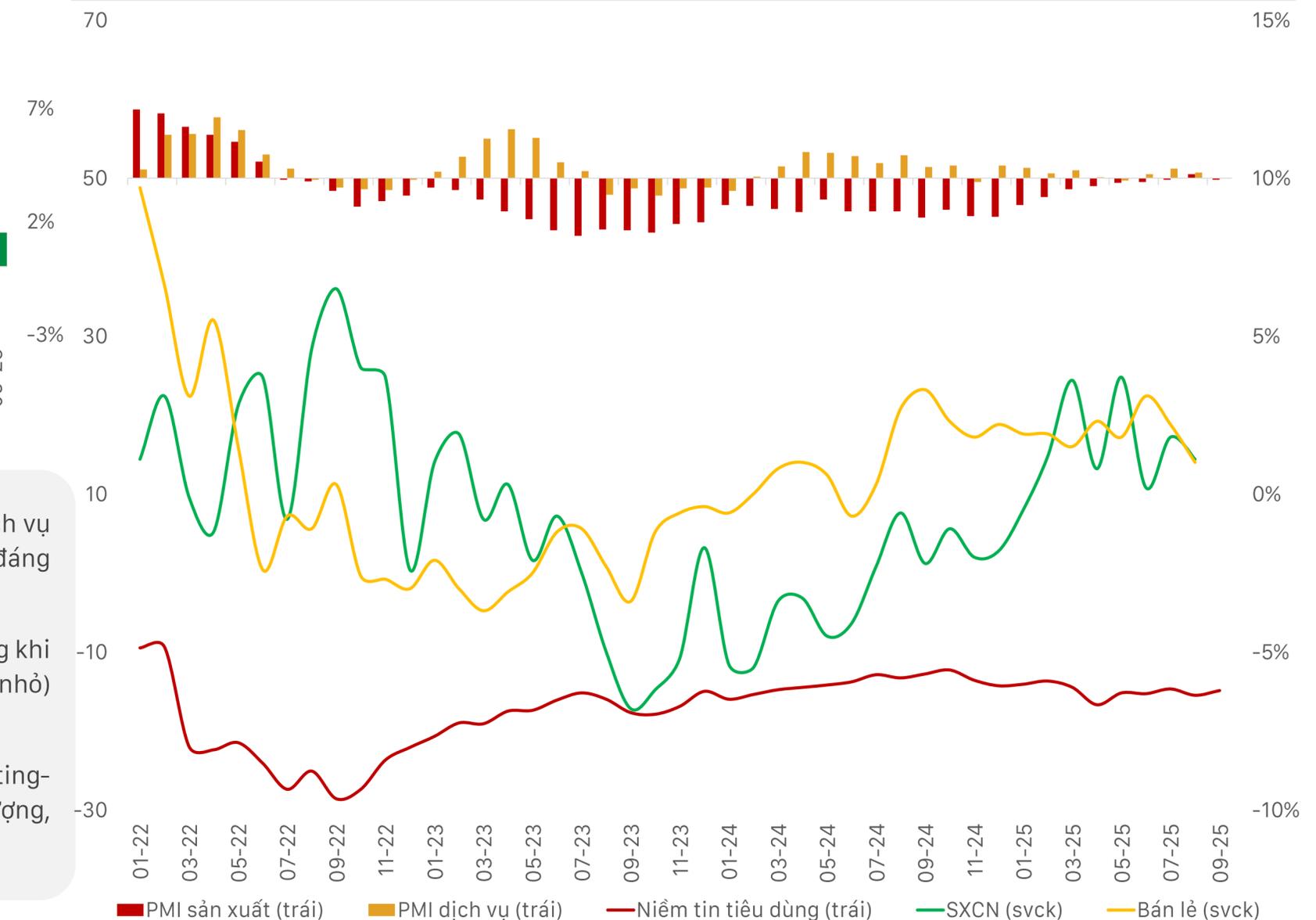


**Lạm phát dịch chuyển về gần mục tiêu (~2%).** Headline HICP duy trì quanh ~2%–2.2%; yếu tố dịch vụ vẫn ấm nhưng năng lượng kéo headline biến động nhỏ — áp lực hành động gấp rút của ECB giảm đáng kể.

**Tăng trưởng phân hoá: dịch vụ kéo, sản xuất và Đức yếu.** PMI dịch vụ tiếp tục mở rộng nhẹ trong khi PMI sản xuất dao động quanh mốc 50 (hoặc hơi co hẹp ở một số nước), GDP khu vực tăng yếu (q/q nhỏ) — tức phục hồi không đồng đều giữa các quốc gia và ngành.

**ECB tạm dừng thay đổi lãi; rủi ro ngoại sinh quyết định bước tiếp.** ECB duy trì chính sách “meeting-by-meeting”: giữ lãi trong ngắn hạn và để dữ liệu (HICP, việc làm, PMI) quyết định; rủi ro năng lượng, chuỗi cung và biến động địa chính trị có thể buộc phải hành động nhanh.

## Hoạt động kinh doanh phân hoá — dịch vụ tốt, sản xuất chỉ xao sát ngưỡng mở rộng.

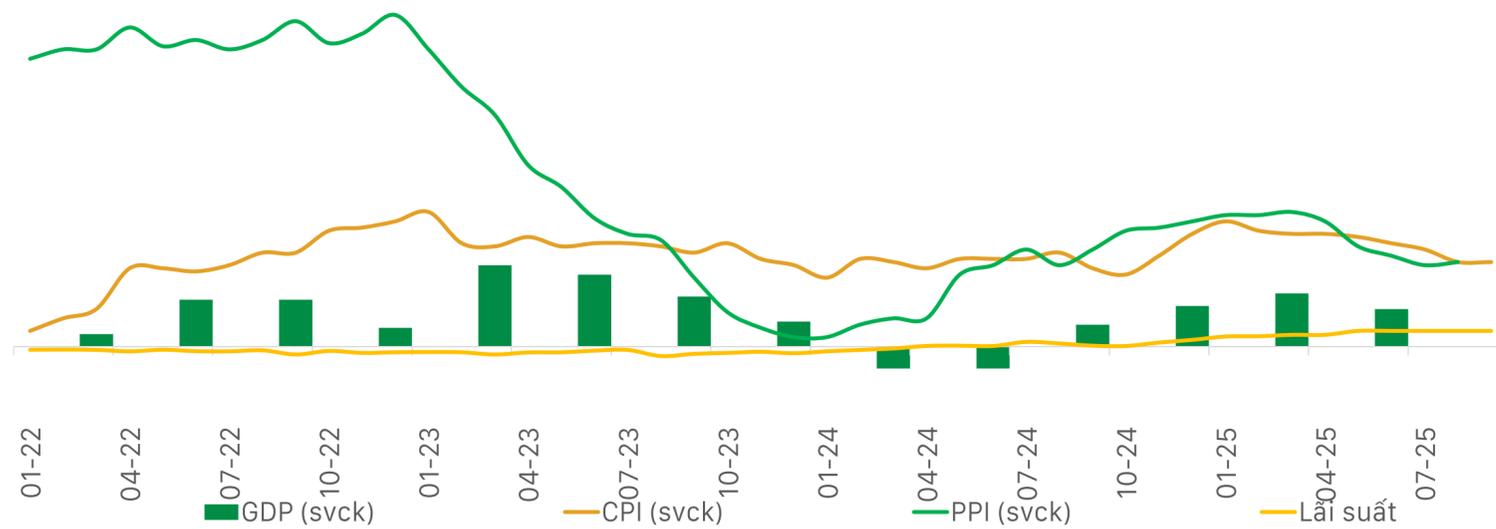


# Nhật Bản: Phục hồi yếu – tiêu dùng chậm, lạm phát hạ nhiệt, BOJ duy trì lộ trình thắt chặt rất thận trọng



Bức tranh kinh tế Nhật Bản mang đặc trưng “phục hồi nhưng thiếu động lực”: cầu nội địa suy yếu kìm hãm tăng trưởng, trong khi lạm phát giảm nhanh tạo dư địa nhưng cũng phản ánh rủi ro cầu yếu lan rộng. BOJ vẫn là ngân hàng trung ương thận trọng nhất trong nhóm G7 — giữ chính sách bình thường hóa rất chậm để tránh kéo tụt đà phục hồi non trẻ. Kịch bản cơ sở: lãi suất chỉ tăng nhẹ thêm 1 lần hoặc giữ nguyên trong vài quý tới; đồng JPY ổn định hơn khi chênh lệch lãi suất với Mỹ/Châu Âu thu hẹp dần; tăng trưởng 2026 phụ thuộc mạnh vào chu kỳ tăng lương và sức kéo từ xuất khẩu. Rủi ro chính là tiêu dùng tiếp tục yếu và doanh nghiệp giảm đầu tư, có thể buộc BOJ điều chỉnh chậm hơn nữa so với kỳ vọng.

## Lạm phát lõi đô thị tiếp tục cao hơn 2% — tạo áp lực lên BOJ.

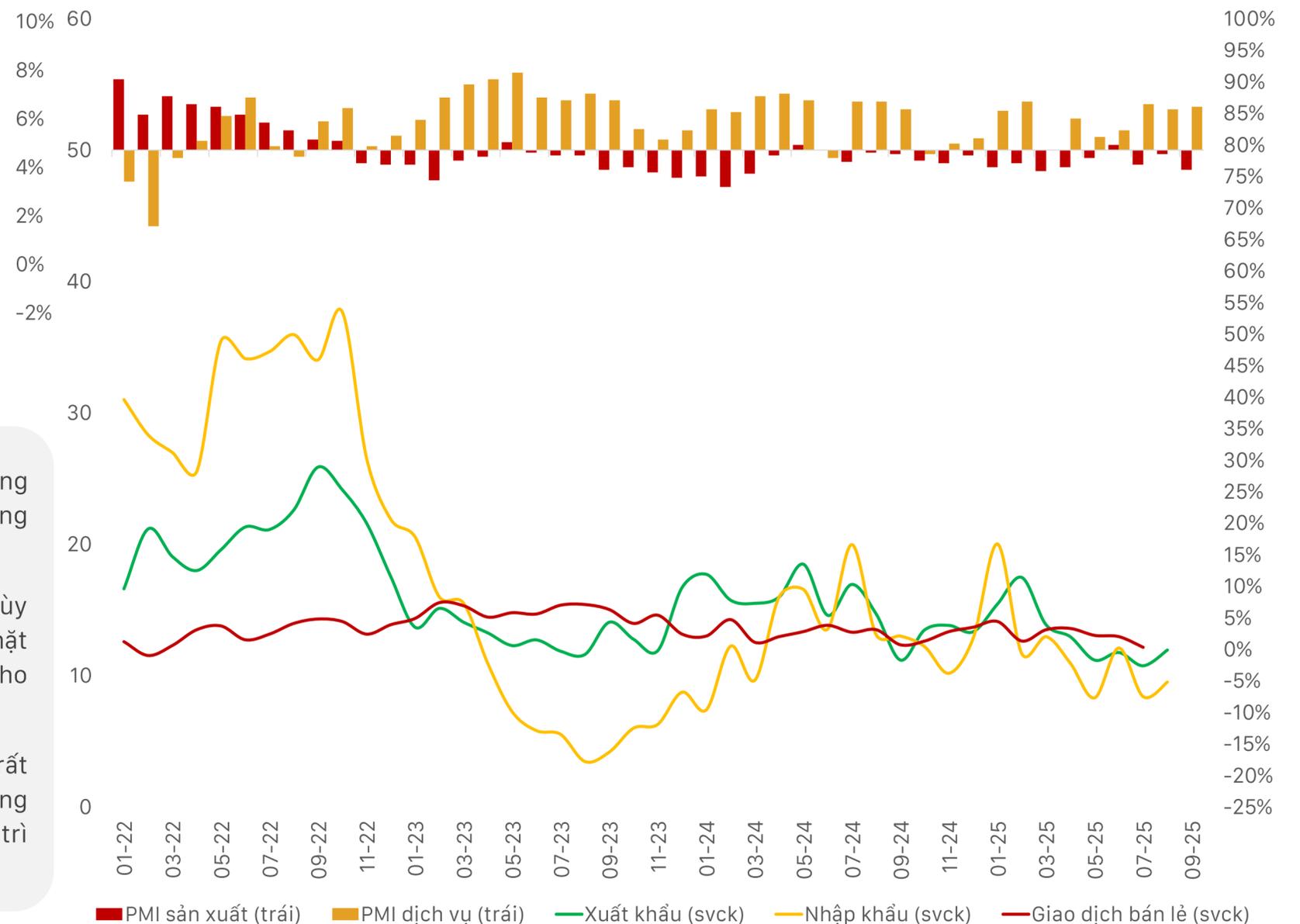


**Nhu cầu trong nước phục hồi chậm, tiêu dùng còn yếu.** Tiêu dùng hộ gia đình cải thiện nhưng không mạnh, do thu nhập thực phục hồi chậm và niềm tin tiêu dùng dao động. Xuất khẩu hỗ trợ tăng trưởng nhưng không bù được sự yếu đi của cầu nội địa, khiến đà phục hồi GDP nhìn chung còn mong manh.

**Lạm phát hạ nhiệt rõ rệt tạo dư địa chính sách.** CPI lõi tiếp tục giảm về vùng ~2% hoặc thấp hơn tùy tháng, nhờ giá năng lượng ổn định và giá thực phẩm tăng chậm lại. Điều này giảm áp lực phải thắt chặt mạnh tay hơn và cho phép BOJ cân nhắc điều chỉnh chính sách theo nhịp độ chậm, tránh gây sốc cho tăng trưởng.

**BOJ giữ lập trường thắt chặt từng bước, theo sát dữ liệu lương – giá.** BOJ duy trì lãi suất dương rất thấp và kiểm soát đường cong lợi suất theo kiểu “linh hoạt”, chỉ điều chỉnh khi thị trường biến động mạnh. Tâm điểm vẫn là quan sát tăng lương năm tài khóa mới và kỳ vọng lạm phát: nếu lương duy trì tăng thực, BOJ mới đẩy nhanh bình thường hóa; ngược lại sẽ tiếp tục cản trở.

## Sản xuất co hẹp rõ rệt — PMI sản xuất ở đáy 19 tháng.



# DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	4,217.81	3.8%	7.3%	60.7%	58.7%
WTI/USD	59.44	2.4%	-1.7%	-17.1%	-13.4%
Bitcoin	90,573	7.0%	-16.4%	-2.9%	-6.1%
Dow Jones	47,716	3.2%	0.2%	12.2%	6.3%
S&P 500	6,849	3.7%	-0.6%	16.5%	13.5%
Nasdaq	25,435	4.9%	-2.6%	21.1%	21.5%
GP100	9,721	1.9%	-0.4%	18.9%	17.3%
DAX	23,837	3.2%	-1.2%	19.7%	21.5%
CAC 40	8,123	1.8%	-1.0%	10.1%	12.3%
Euro Stoxx 50	5,673	2.9%	-0.6%	15.9%	18.1%
Nikkei 225	50,254	3.4%	-2.1%	26.0%	31.5%
Shanghai	3,889	1.4%	-3.2%	16.0%	16.9%
Hang Seng	25,859	2.5%	-1.6%	28.9%	33.1%
Vnindex	1,691	2.2%	0.3%	33.5%	35.2%
Set 50	823	0.5%	-3.8%	-9.2%	-10.4%
VND/USD	26,365	0.1%	0.1%	3.5%	4.0%
DXY	99.46	-0.7%	0.2%	-8.3%	-5.9%

- Trong tuần 24–28/11/2025, chứng khoán Mỹ duy trì xu hướng tích cực khi các chỉ số lớn tiếp tục lập đỉnh mới. Tâm lý thị trường được củng cố bởi dữ liệu kinh tế ổn định, hỗ trợ kỳ vọng “hạ cánh mềm” của kinh tế Mỹ. Lợi nhuận quý IV của các doanh nghiệp, đặc biệt nhóm Big Tech, nhìn chung vượt dự báo, giúp S&P 500 và Nasdaq tăng bền bỉ. Dù xuất hiện vài nhịp điều chỉnh do chốt lời cuối tháng, xu hướng chủ đạo vẫn nghiêng về tích cực nhờ kỳ vọng Fed sẽ bắt đầu cắt giảm lãi suất trong năm tới.
- Bitcoin có tuần giao dịch biến động nhưng giữ được đà tăng tổng thể từ vùng đáy 80 ngàn lên 90 ngàn US. Sau khi gặp lực bán mạnh tại vùng kháng cự, giá nhanh chóng phục hồi nhờ dòng tiền tổ chức và kỳ vọng tiếp tục vào các ETF Bitcoin spot. Việc sức cầu gia tăng khiến tâm lý thị trường duy trì trạng thái bullish, dù cuối tuần xuất hiện điều chỉnh kỹ thuật. Vàng giao dịch trong biên độ hẹp và giảm nhẹ. Áp lực đến từ việc đồng USD mạnh lên và lợi suất trái phiếu Mỹ duy trì cao, làm giảm nhu cầu trú ẩn. Tuy nhiên, kim loại quý vẫn được giữ giá nhờ rủi ro địa chính trị và kỳ vọng Fed sẽ nới lỏng tiền tệ trong dài hạn.

# ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



# THANH KHOẢN DỒI DÀO — DXY BIẾN ĐỘNG, NHƯNG USD/VND NEO CAO; NHNN CAN THIỆP CÓ CHỌN LỌC



NHNN đang vận hành chiến lược “nới lỏng có kiểm soát + can thiệp FX có chọn lọc”: bơm ròng qua OMO để giữ thanh khoản, đồng thời dùng hợp đồng kỳ hạn có quyền huỷ cho NHTM thiếu USD nhằm kìm nhip tăng tỷ giá mà không làm xói mòn dự trữ nhanh. Kịch bản ngắn hạn: Nếu DXY giảm bền do Fed cắt lãi và nhu cầu USD nội địa hạ nhiệt → áp lực lên USD/VND sẽ dần suy giảm; NHNN có thể thu hẹp cường độ bơm ròng/can thiệp. Nếu DXY bật lại hoặc cầu USD nội địa vẫn mạnh → NHNN buộc phải duy trì bơm ròng và can thiệp FX, làm tăng áp lực lên dự trữ ngoại hối nếu tình trạng kéo dài. Theo dõi ưu tiên: (i) diễn biến DXY & các báo cáo lạm phát/việc làm Mỹ; (ii) mức bơm/hút OMO và các thông báo bán ngoại tệ kỳ hạn từ SBV/NHNN; (iii) tỷ giá giao dịch tại kênh ngân hàng và chênh lệch với thị trường tự do — những chỉ báo này sẽ quyết định cường độ can thiệp và rủi ro về dự trữ.

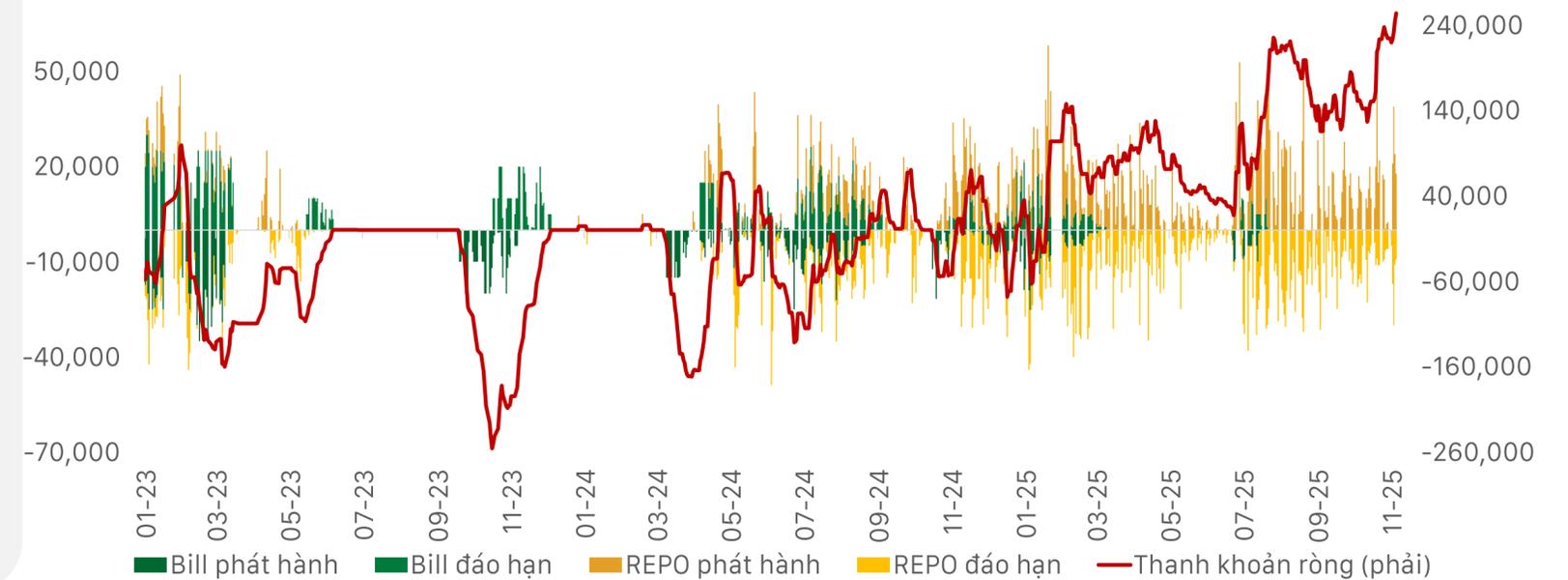
- **DXY biến động — tâm lý cắt lãi Fed lung lay, USD có lúc tăng trở lại.** DXY đã phục hồi lên quanh/qua mốc 100 khi thị trường giảm bớt kỳ vọng cắt lãi gần hạn sau một loạt dữ liệu Mỹ mạnh, làm tăng áp lực lên đồng tiền các thị trường mới nổi. Diễn giải ngắn: DXY không còn xu hướng chắc chắn giảm — điều này làm cho áp lực lên tỷ giá VND phụ thuộc đồng thời vào động lực trong nước (cầu USD) chứ không chỉ phản ứng với DXY.
- **USD/VND neo cao — cầu thanh toán, nhập khẩu.** Tỷ giá giao dịch tại các NHTM duy trì quanh ~26.350 VND/USD (các phiên gần đây), trong khi thị trường tự do có các nhip cao hơn; Ngay cả khi DXY tạm lùi, nhu cầu USD từ chuỗi thương mại, giao dịch thanh toán và hedging khiến VND khó giảm mạnh; một số ngân hàng vẫn báo trạng thái thiếu USD cục bộ.
- **NHNN vận hành “nới lỏng có kiểm soát” — bơm ròng OMO lớn + can thiệp FX có chọn lọc.** NHNN đã thực hiện các phiên bơm ròng để duy trì thanh khoản; bên cạnh đó SBV/SBV đã từng sử dụng công cụ bán USD kỳ hạn có quyền huỷ cho các NHTM thiếu ngoại tệ nhằm hạ nhip tăng tỷ giá mà không rút cạn dự trữ.

## DXY biến động — tâm lý cắt lãi Fed lung lay, USD có lúc tăng trở lại

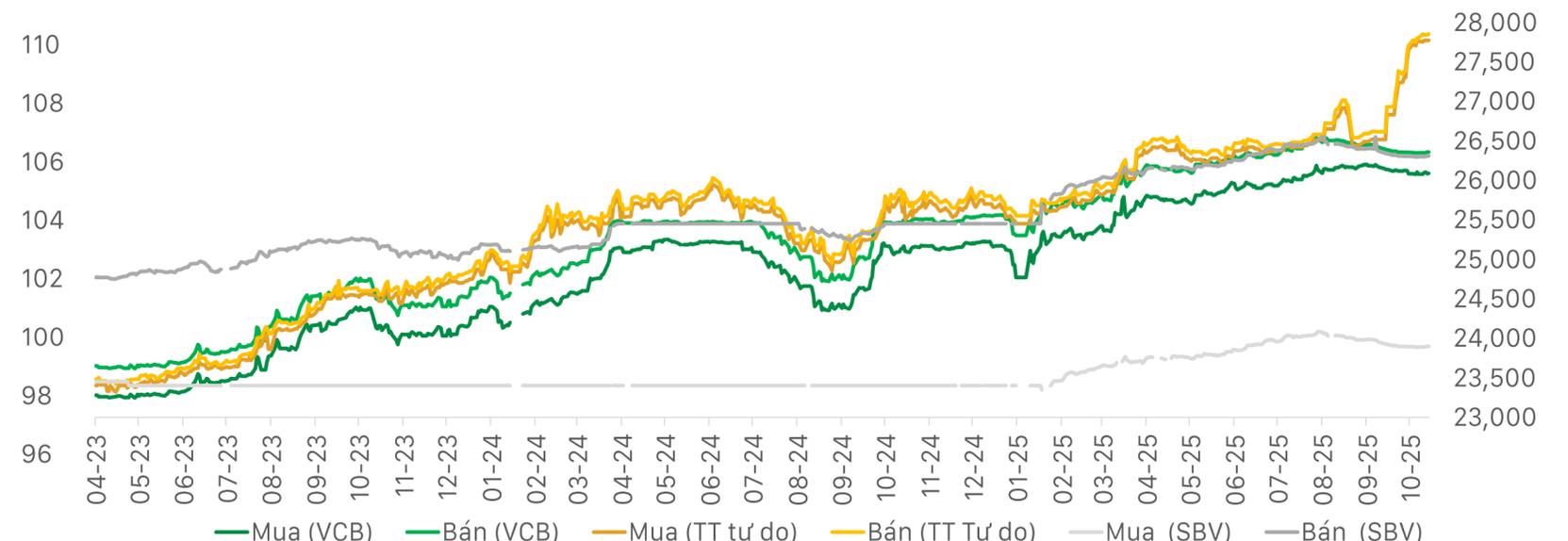


## NHNN vận hành “nới lỏng có kiểm soát” — bơm ròng OMO lớn + can thiệp FX có chọn lọc

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



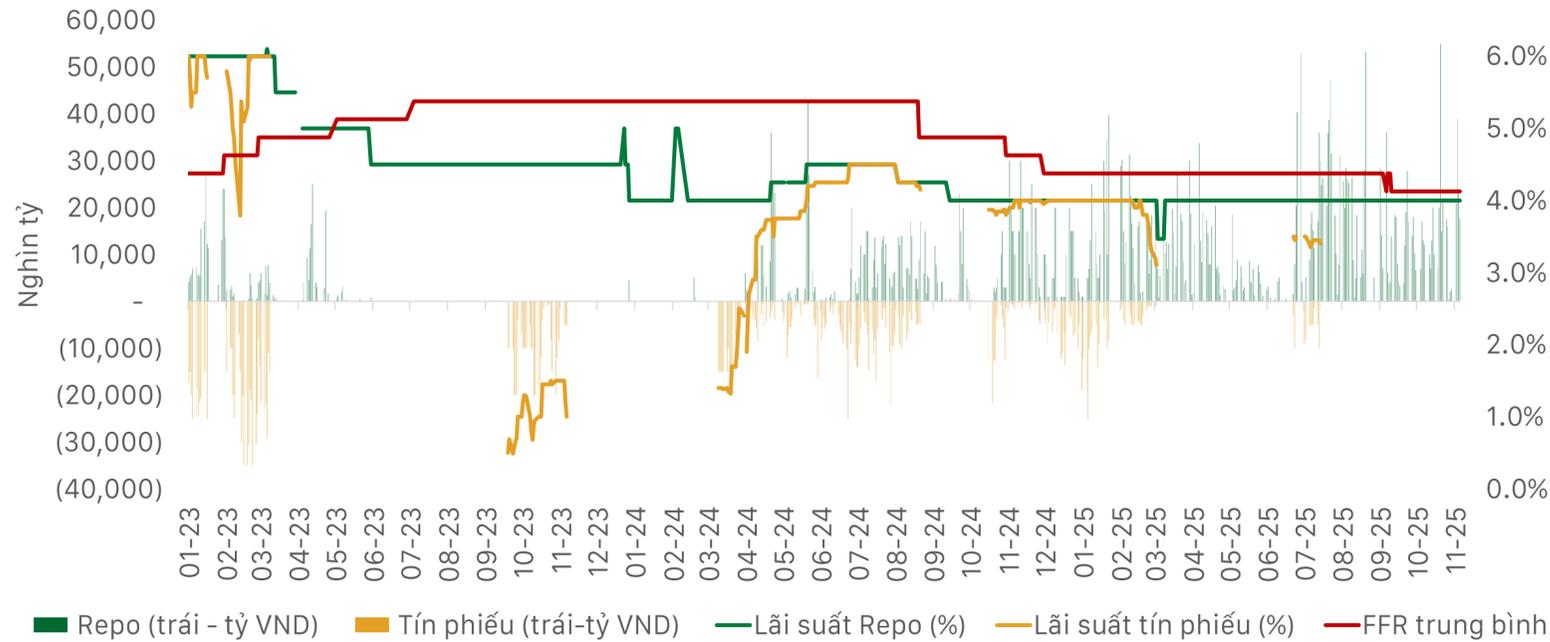
## USD/VND neo cao — chênh lệch tỷ giá chợ đen và hệ thống ngân hàng càng xa. Đơn vị: VND/USD



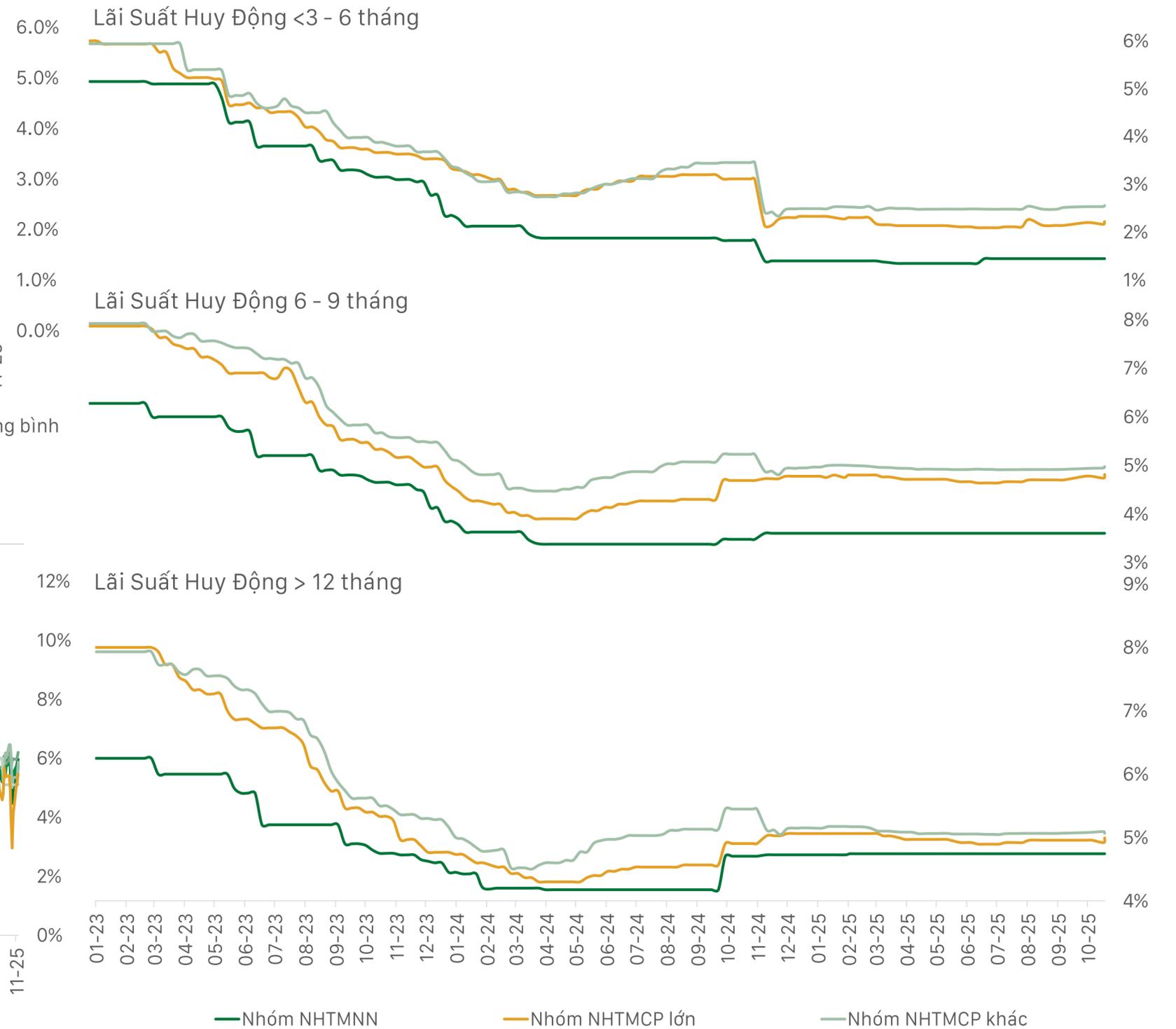
# LÃI SUẤT VẪN ĐƯỢC GIỮ Ở MỨC ĐỘ PHÙ HỢP



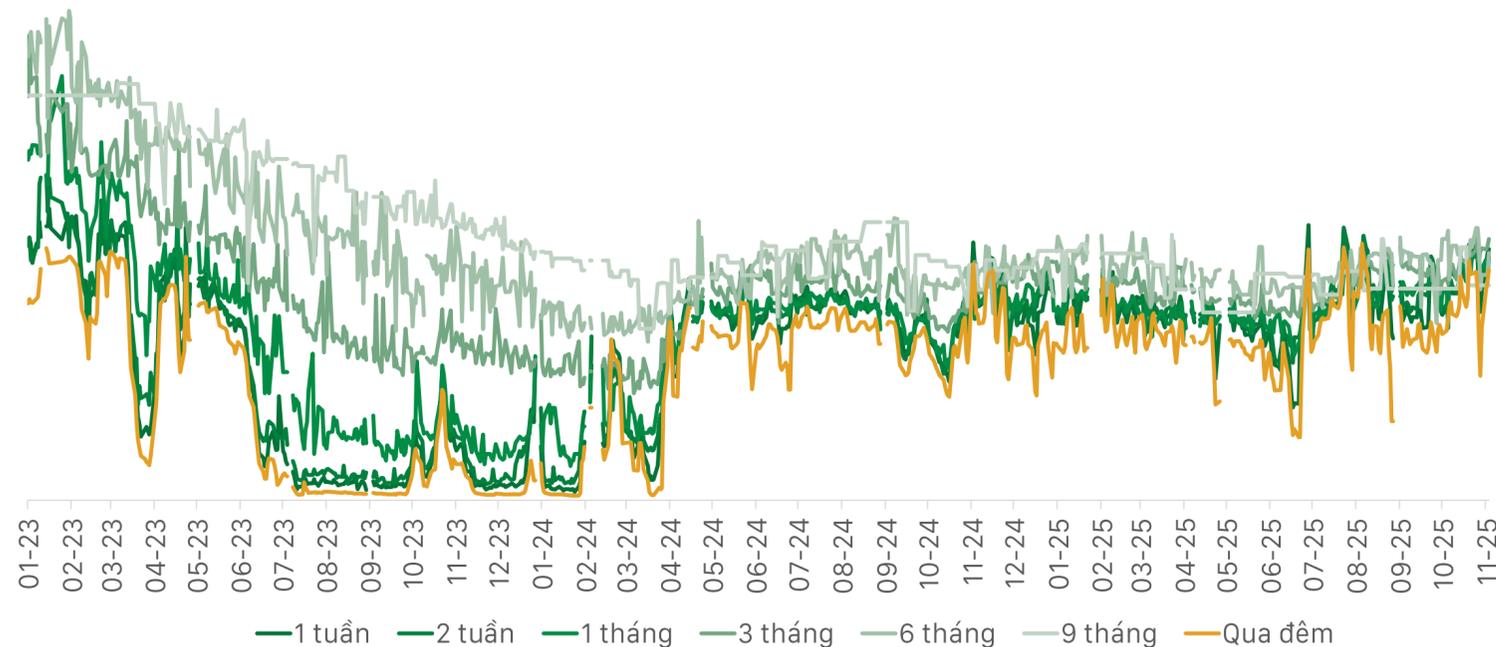
## NHNN tiếp tục bơm mạnh Repo trở lại



## Mặt bằng lãi suất huy động thấp, chênh lệch giữa các nhóm NHTM



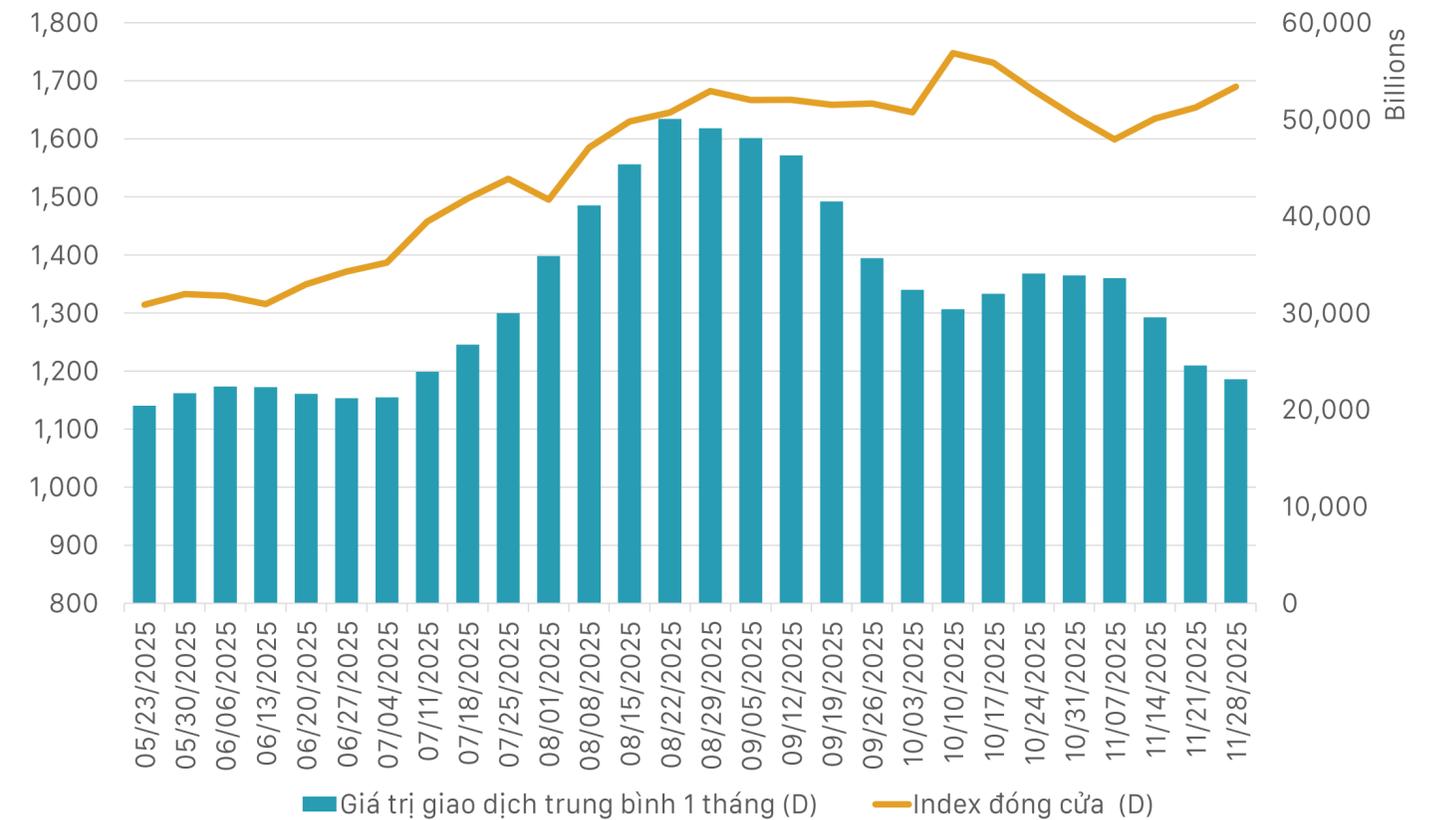
## Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh nhưng vẫn đang được tích cực kiểm soát



## Đồ thị ngày VN-Index



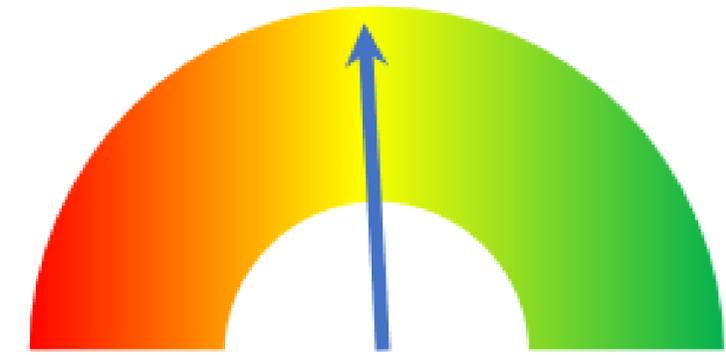
## Thanh khoản đạt đỉnh cao nhất



- Thị trường trong tuần qua đã ghi nhận chỉ số VN-Index tiếp tục đà phục hồi và đóng cửa ở mức 1.690 điểm, tăng 36,06 điểm (tương đương 2,17%) so với tuần trước, tiến sát ngưỡng kháng cự tâm lý 1.700 điểm. Đây là tuần tăng điểm thứ ba liên tiếp, củng cố đà hồi phục từ đáy ngắn hạn. Tuy nhiên, đà tăng của chỉ số có tính phân hóa mạnh và chủ yếu được dẫn dắt bởi một vài cổ phiếu vốn hóa lớn, tạo ra trạng thái "xanh vỏ đỏ lòng" trên thị trường. Tính cả tuần chỉ có khoảng 150/417 cổ phiếu niêm yết tăng điểm trong đó chỉ có 50 cổ phiếu có mức tăng trên 3%.
- Các cổ phiếu đáng chú ý nổi bật với nhóm Vingroup với VPL tăng đến 28% trong tuần, VIC cũng tăng 13% lên đỉnh cao trên 160, VRE cũng phục hồi 6%. Một số cổ phiếu nổi bật trong tuần như MSR, GEE, MSB, VNM. VNM đang quay lại đà tăng từ vùng đáy quanh 55 lên 64 trong khi nhóm Gelex cũng có tín hiệu đảo chiều ở các cổ phiếu GEE, GEX, VIX.



Mức độ hưng phấn thị trường



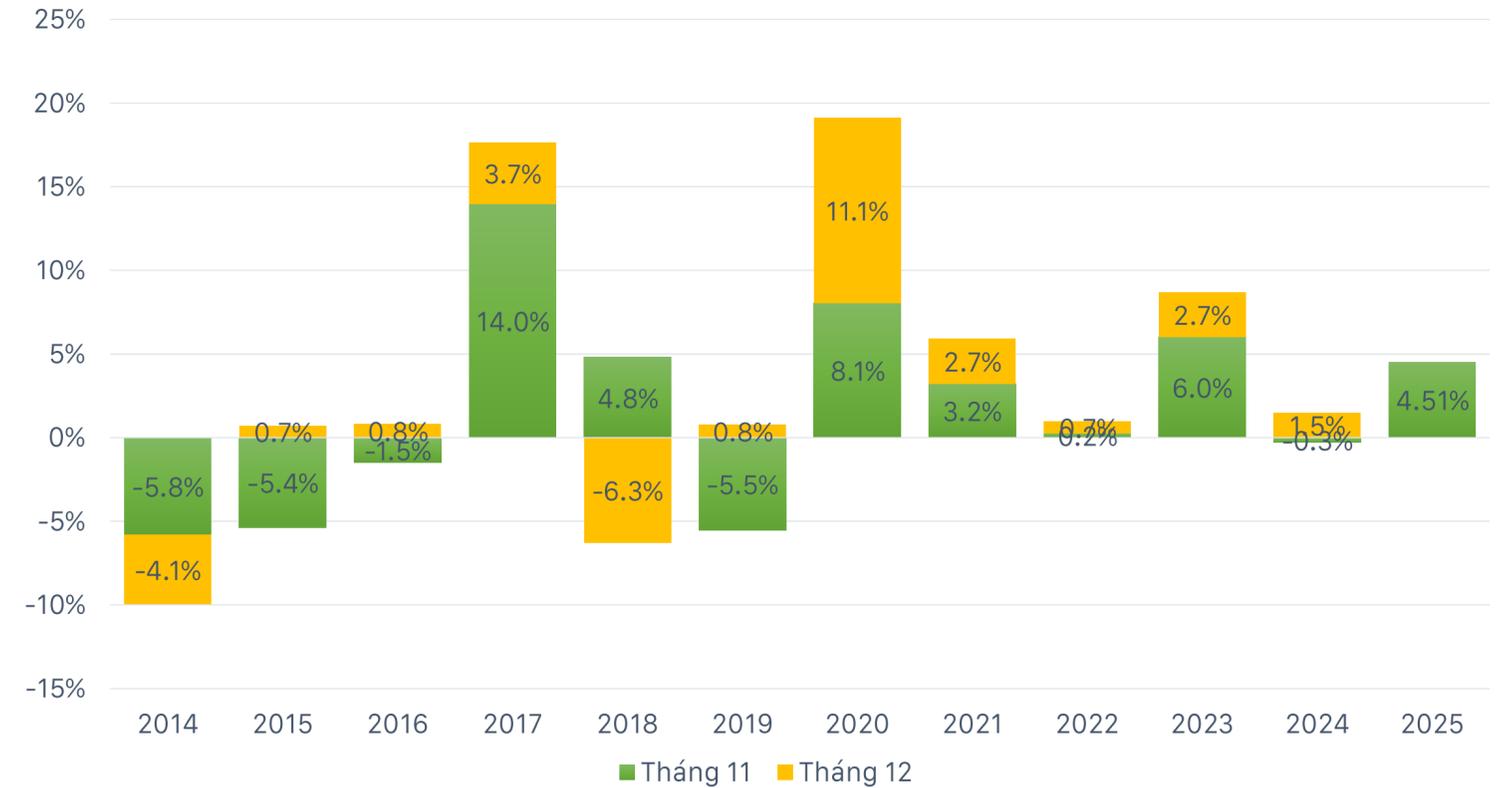
RSI	63.36
MACD	1.17
MFI	70.92
MA20	1644
MA50	1668
MA200	1466

- Thị trường có mức tăng tốt nhất trong 3 tuần gần nhất và sắp tiếp cận lại ngưỡng 1700. Dòng tiền vào thị trường vẫn ở mức thấp và tiếp tục sụt giảm so với tuần trước đó. Có thể đánh giá dù thị trường tăng điểm nhưng có thể danh mục đầu tư của bình quân chung sẽ không mấy cái thiện khi chỉ có khoảng 1/3 cổ phiếu tăng điểm còn lại vẫn đi ngang và suy giảm. Mặc dù nhiều nhóm ngành và cổ phiếu đã lùi về mức giá chiết khấu khá hấp dẫn, dòng tiền thị trường vẫn tỏ ra dè dặt và chưa có dấu hiệu quay trở lại đáng kể.
- Thị trường trong tháng 12 có thể duy trì trạng thái đi ngang theo hướng tịnh tiến dần và có thể sớm vượt 1700. Các nhóm cổ phiếu trụ ngân hàng, chứng khoán và BĐS hiện đang trong vùng giá tích lũy biên dưới từ 10% - 15% so với đỉnh và khả năng sẽ sớm tạo đáy trung hạn. Trong tuần mới thị trường có nhiều cơ hội tiếp cận vùng 1700 nhưng nhà đầu tư lưu ý áp lực chốt lời có thể gia tăng ở các nhóm cổ phiếu bluechips dẫn dắt. Dòng tiền có thể lan tỏa dần sang các nhóm ngành khác.

PE thị trường hiện quanh 14 thấp hơn giai đoạn 2022



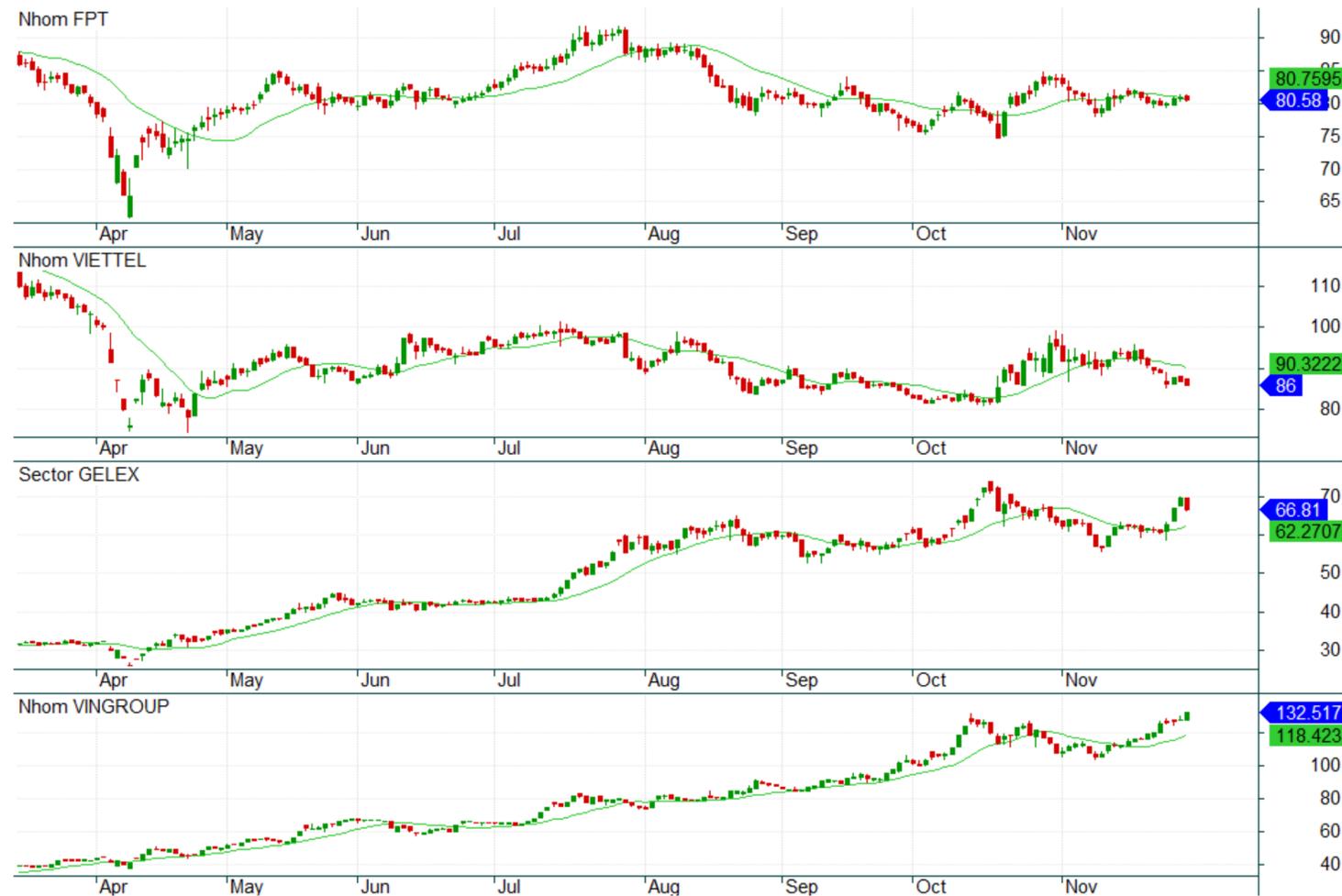
Diễn biến Vnindex qua các tháng 11.12 từ 2014



- P/E thị trường Việt Nam hiện ở mức quanh 14, giảm đáng kể so với mức 16 hồi tháng 8. Ở mức định giá hiện tại, thị trường đang dần trở nên hấp dẫn hơn. Mức P/E thấp nhất gần đây từng chạm vùng 12 vào đầu năm 2025. PE thị trường có thể tiếp tục dao động quanh mức 14 cho đến đầu năm 2026 khi các doanh nghiệp công bố kết quả kinh doanh cuối năm.
- Chỉ số Vnindex đóng cửa tháng 11 với mức tăng 4.5%. Đây là mức tăng khá tốt và tương ứng với các năm trước dù mức tăng điểm năm nay có phần khiêm tốn hơn. Tháng 12 các năm gần đây có mức tăng trung bình khoảng 2% - 2.5% trong khi các năm trước 2020 thường đi ngang và suy giảm. Năm nay thị trường đang hồi phục lên lại mốc 1700 vì vậy khả năng thị trường tiếp tục ở trạng thái phục hồi và nếu lạc quan có thể đạt mức tăng tương ứng như tháng 11.

- Trong tuần qua **nhóm FPT và Viettel** không biến động nhiều và gần như đi ngang ở các nhóm cổ phiếu. FPT có mức tăng trưởng tốt nhất nhóm FPT. Trong khi nhóm cổ phiếu Viettel tiếp tục điều chỉnh sâu hơn ở VGI, VTP.
- Nhóm **Vingroup** duy trì đà tăng mạnh mẽ nổi bật là VPL tăng gần 28% trong tuần. VIC và VRE tăng khá đều lên các vùng giá cao mới. VHM có mức tăng chậm hơn nhưng giữ giá tốt.

Giá trung bình nhóm FPT, Gelex, Viettel, Vingroup



- Nhóm Ngân hàng** giữ mức đi ngang và phân hóa. Các cổ phiếu VPB, MSB, HDB có mức tăng khá nhất trong ngành. Phần còn lại VBB, STB, VCB giảm khá sâu.
- Nhóm BĐS** và **BDS khu công nghiệp** đều giảm trở lại sau 1 tuần tăng mạnh trước đó. Một vài cổ phiếu giữ giá tốt như KDH, KBC.
- Nhóm chứng khoán** tiếp tục giảm sâu hơn đặc biệt là ở nhóm cổ phiếu lớn SSI, VND, SHS có mức giảm trên -3% trong tuần.

Giá trung bình nhóm Bank, BĐS, Chứng khoán, Khu công nghiệp



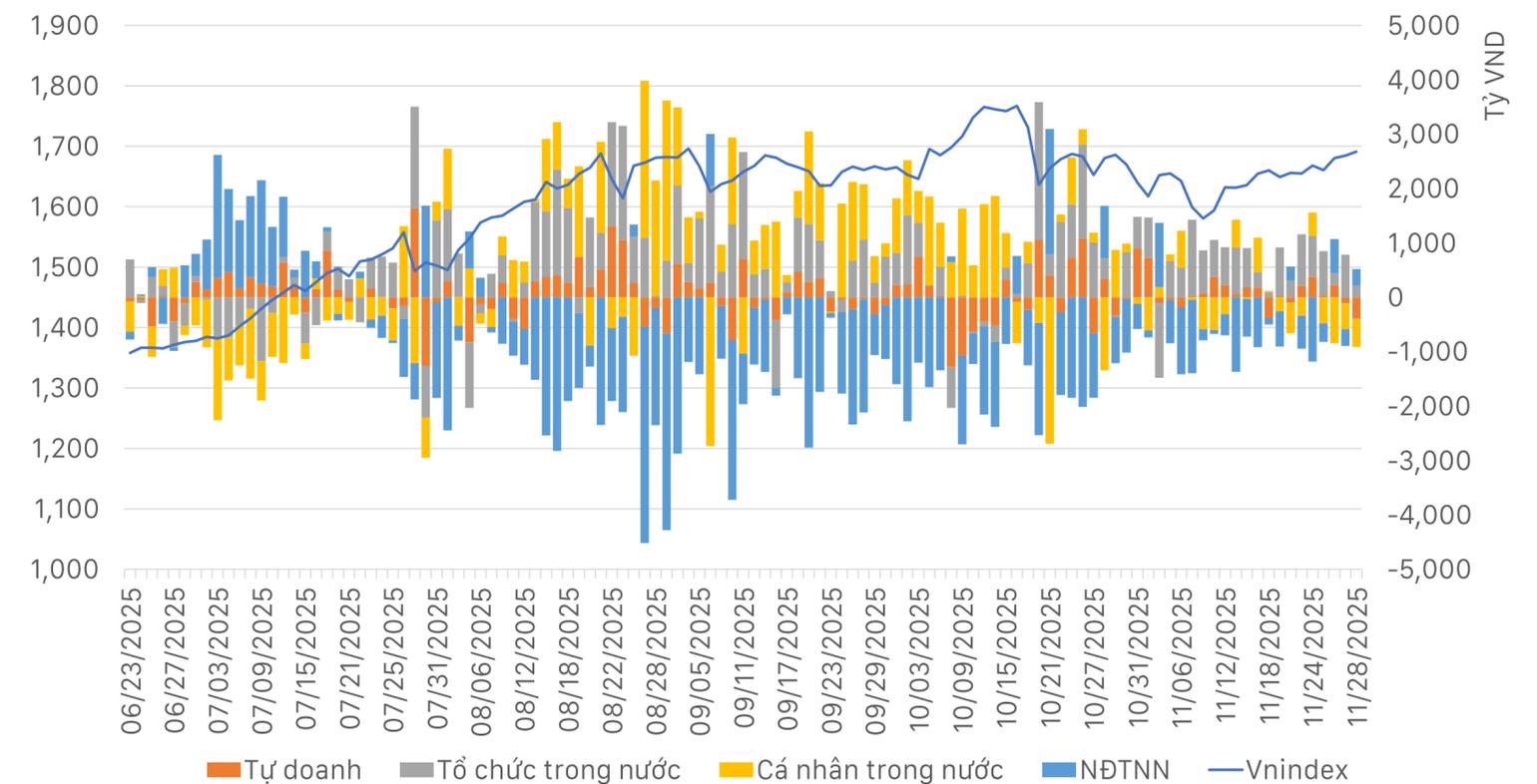
# BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ CÁC NHÓM NGÀNH



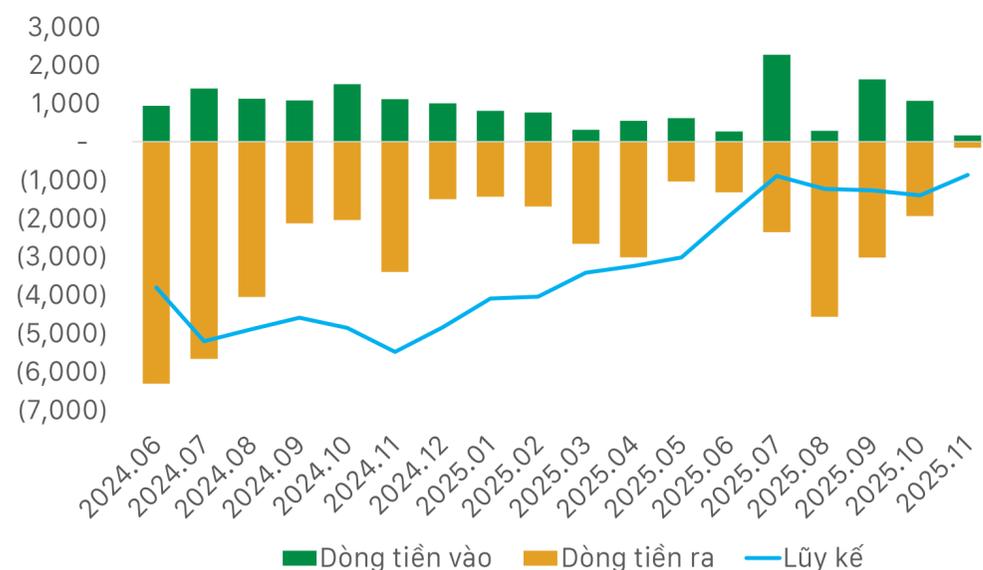
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,690.99	14.75	2.2%	0.6%
Ngân hàng	728.30	9.82	-0.6%	-2.8%
Dịch vụ tài chính	946.31	15.90	0.0%	-5.6%
Bất động sản	979.69	28.53	6.6%	6.9%
Hóa chất	269.05	13.99	-1.5%	1.0%
Tài nguyên Cơ bản	461.00	16.93	-1.5%	-0.3%
Ô tô và phụ tùng	365.20	6.90	-3.2%	-3.7%
Bán lẻ	1,526.68	20.14	0.2%	-2.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	156.99	10.28	2.3%	0.9%
Viễn thông	943.32	21.32	-1.7%	3.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6,114.39	13.58	0.4%	3.1%
Dầu khí	91.25	20.04	-0.4%	1.8%
Thực phẩm và đồ uống	1,057.42	20.47	1.6%	12.8%
Xây dựng và Vật liệu	353.54	9.46	-1.0%	-0.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	368.92	14.53	-0.7%	-6.8%
Y tế	1,024.81	17.64	0.4%	0.2%
Công nghệ Thông tin	808.61	18.19	-3.2%	-4.0%
Truyền thông	660.55	72.94	-0.6%	-3.0%
Bảo hiểm	370.06	12.90	-2.6%	7.9%
Du lịch và Giải trí	49.49	23.92	11.8%	7.5%

- Dù tổng kết tuần chỉ số Vnindex xanh nhẹ nhưng hầu hết các nhóm ngành đều giảm. Chỉ có vài nhóm ngành như BDS, bán lẻ, hàng cá nhân và gia dụng, thực phẩm đồ uống. Trong nhóm BDS chỉ nổi bật ở VIC và VPL, KDH và thực phẩm đồ uống có VNM.
- Nhóm công nghệ thông tin và Bảo hiểm giảm khá sâu trong tuần qua với FPT, BVH
- Các cổ phiếu giao dịch nổi bật nhất vẫn là VIC, VPL, VNM, VPB, MSB, HAG

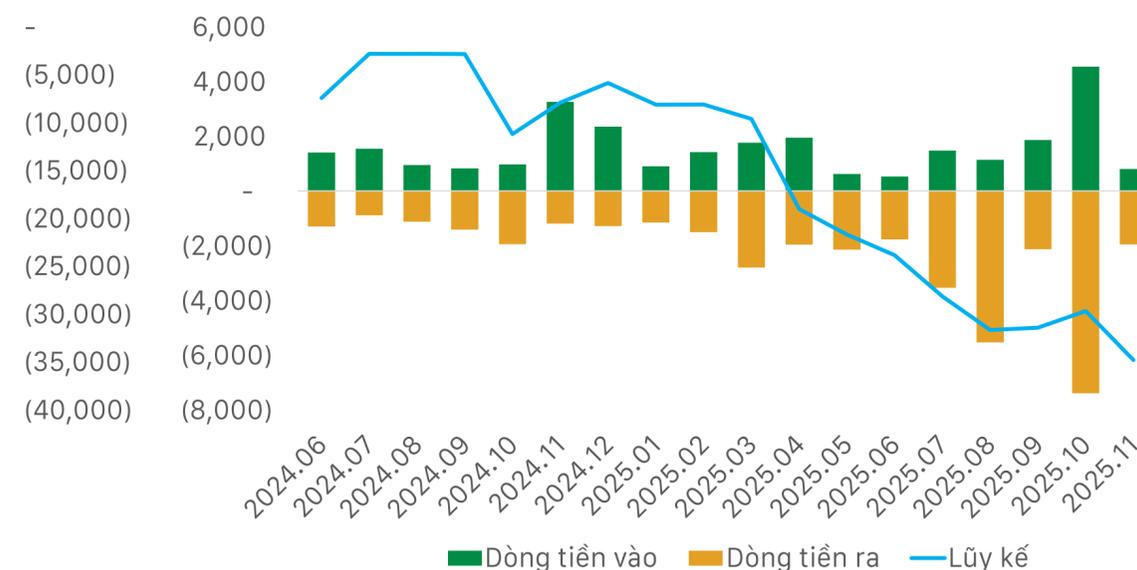
## Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư



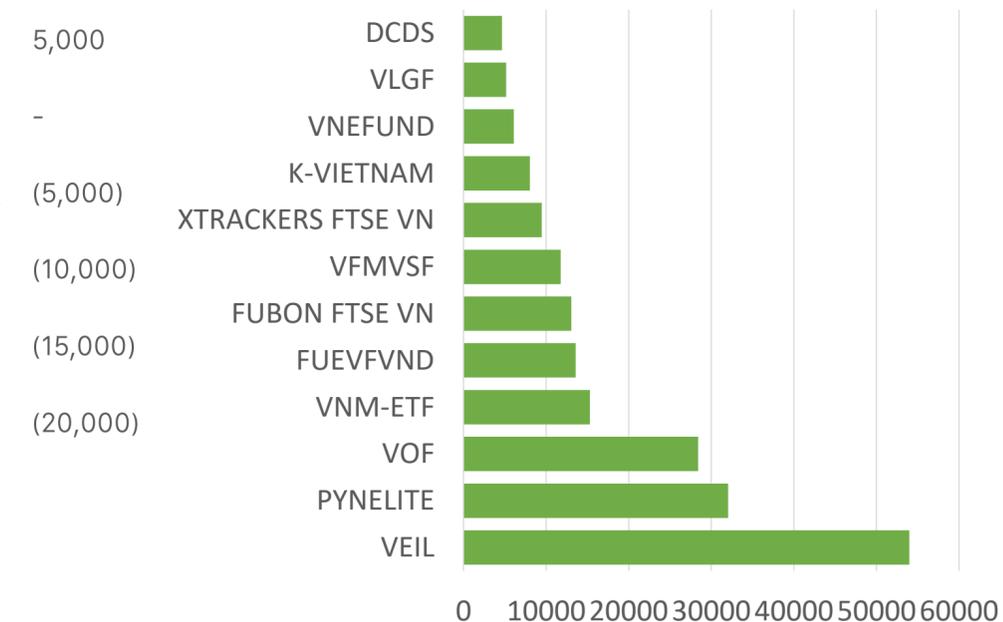
Dòng tiền của quỹ ETF (tỷ VND)



Dòng tiền của quỹ chủ động (tỷ VND)



Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

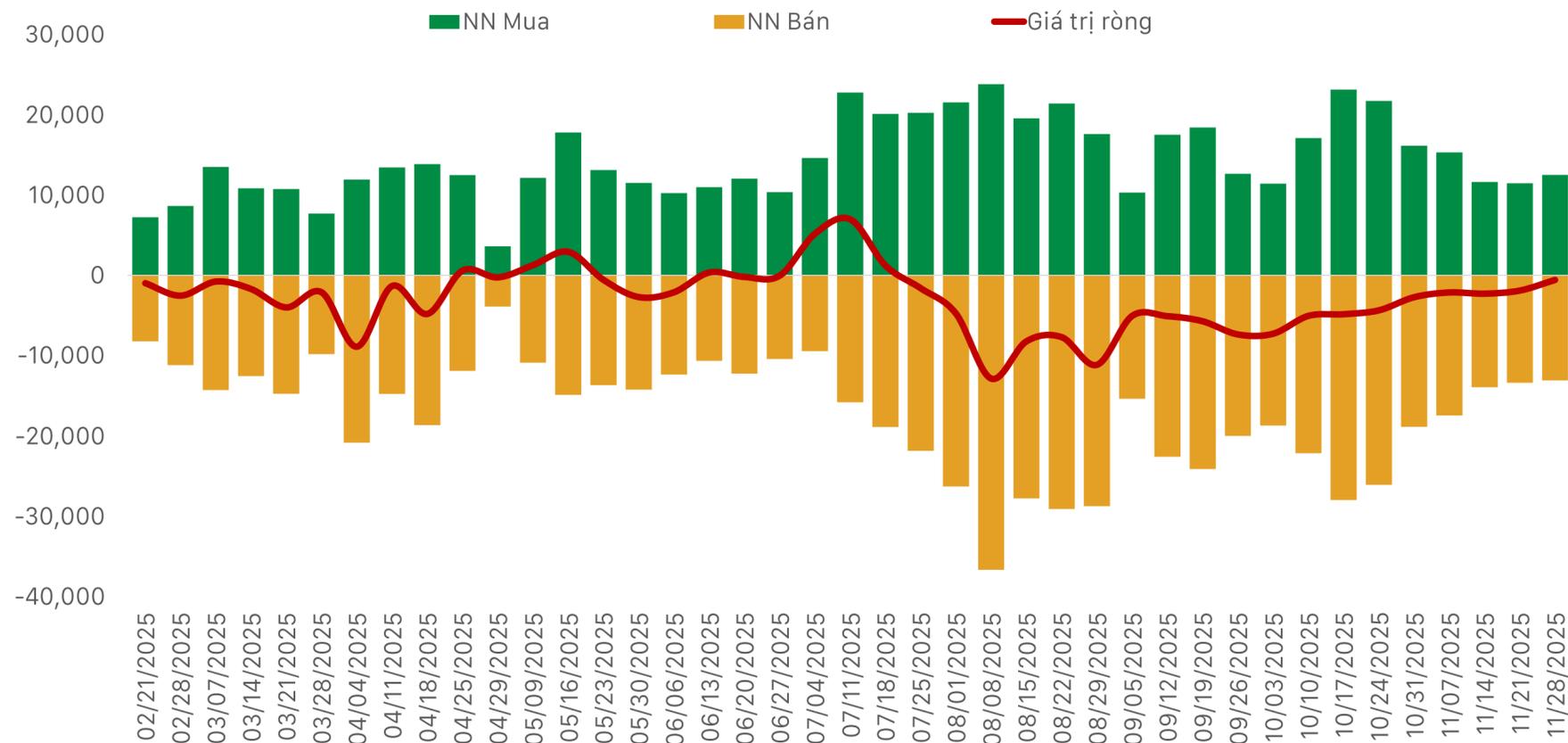


- Trong tháng 11, dòng vốn vào các quỹ tương hỗ và ETF tiếp tục duy trì xu hướng tích cực, dù khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư thu hẹp trước biến động chính sách tại Mỹ, căng thẳng địa chính trị và lo ngại liên quan các lĩnh vực tài chính kém minh bạch. Nhóm Bond Funds hút hơn 17 tỷ USD, tiến gần kỷ lục năm thứ hai liên tiếp; Equity Funds ghi nhận 14,1 tỷ USD, trong khi Alternative Funds có mức vào ròng cao thứ ba trong hơn 20 năm.
- Ở nhóm thị trường mới nổi, Emerging Markets Equity Funds chấm dứt chuỗi chín tuần hút vốn khi dòng tiền vào các quỹ Trung Quốc chứng lại trước thêm các cuộc họp chính sách quan trọng. Dù vậy, China SOE Funds trở thành điểm sáng khi đạt mức vào ròng mạnh nhất từ tháng 2. Korea và Taiwan Equity Funds ghi nhận vào ròng nhẹ; trong khi Thailand và Vietnam Equity Funds chịu áp lực rút vốn. Với India Equity Funds, tỷ trọng ngành công nghệ thông tin được điều chỉnh giảm nhưng triển vọng vẫn tích cực nhờ nhu cầu nội địa tăng theo mùa và hỗ trợ thuế.
- Tại Việt Nam, các quỹ ETF trong tháng 11/2025 tiếp tục rút ròng hơn 12 tỷ đồng, đưa tổng giá trị rút ròng từ đầu năm lên gần 15,6 nghìn tỷ đồng. Đến giữa tháng 11, tổng tài sản ròng của các quỹ ETF phân bổ vào thị trường Việt Nam đạt hơn 61,8 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2% so với cuối năm 2024.

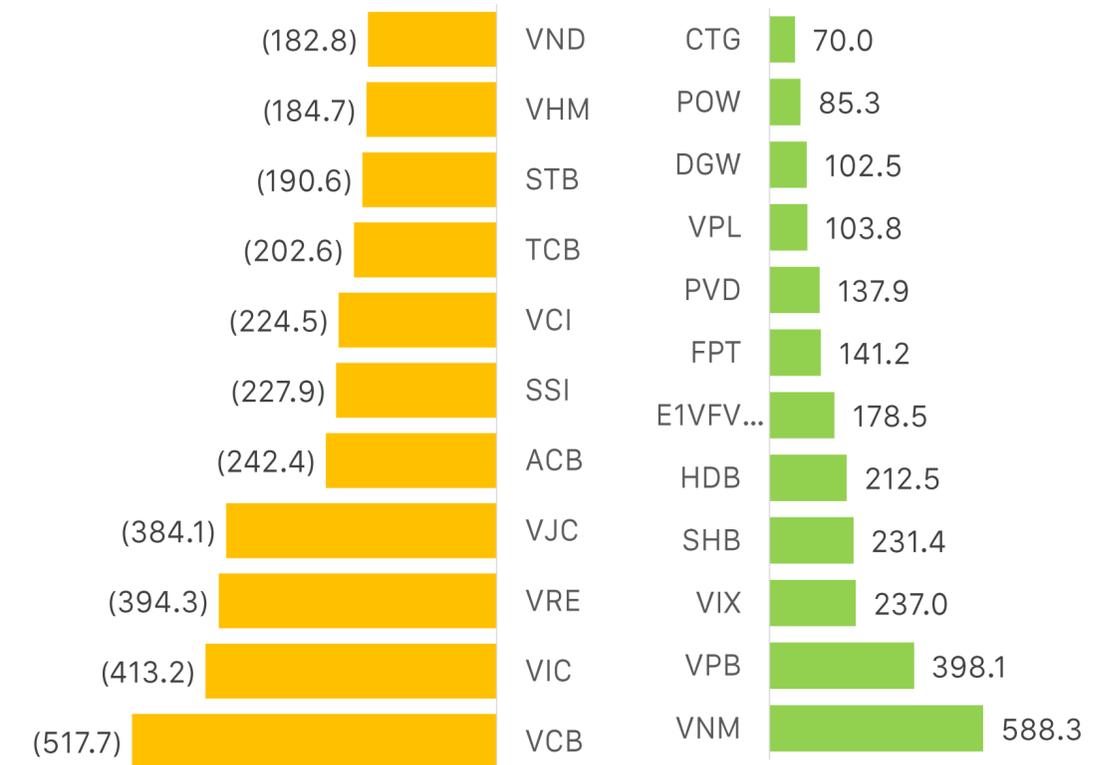
# KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

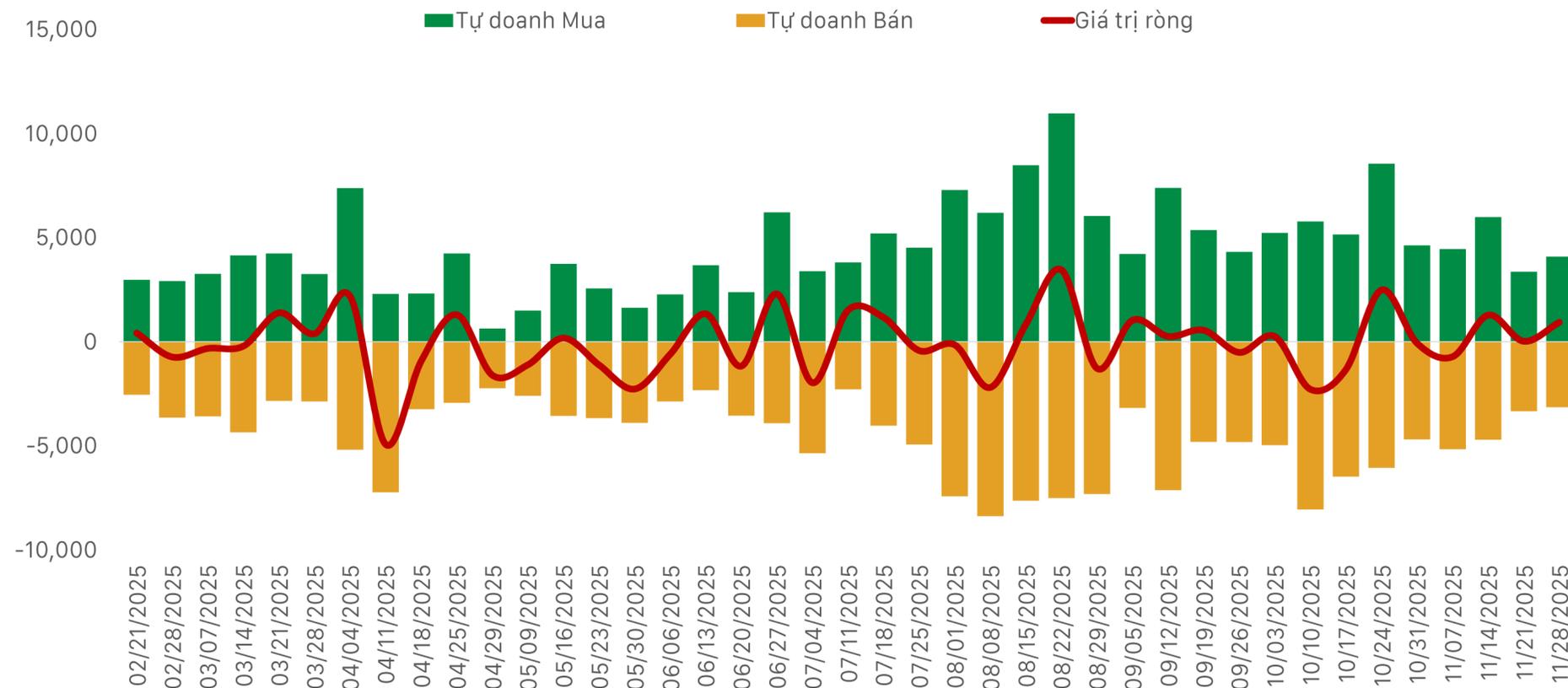


- Trong tuần qua khối ngoại mua vào 12,500 tỷ đồng tăng khoảng 9% so với tuần trước đó (11,474 tỷ) trong khi giá trị bán ra giảm mạnh còn khoảng 13,000 tỷ đồng. Giá trị bán ròng trong tuần qua còn khoảng -570 tỷ đồng – giá trị bán ròng thấp nhất trong tuần từ tháng 7 đến nay. Dù vậy giao dịch của khối ngoại nhìn chung vẫn chưa dồi dào và thấp hơn giai đoạn tháng 8.
- Bán ròng nhiều nhất trong tuần là VCB với giá trị khoảng 517 tỷ đồng. Đây cũng là một phần nguyên nhân khiến giá VCB giảm từ vùng giá 61 xuống 57 trong 2 tuần vừa qua. 3 blue chip tăng giá mạnh nhất là VIC, VRE, VJC cũng bị bán ròng tổng cộng hơn 1200 tỷ trong tuần cho thấy khối ngoại tăng cường chốt lời mạnh nhóm cổ phiếu này. Nhóm chứng khoán cũng bán ròng đáng kể ở SSI, VCI và VND tổng cộng gần 700 tỷ đồng.
- Phía mua ròng ghi nhận VNM mua ròng nhiều nhất gần 600 tỷ đồng. Một số cổ phiếu ngân hàng đang được mua ròng mạnh đáng chú ý như VPB, SHB, HDB, CTG. Vài cổ phiếu FPT, VIX, DGW có dấu hiệu mua ròng nhiều.

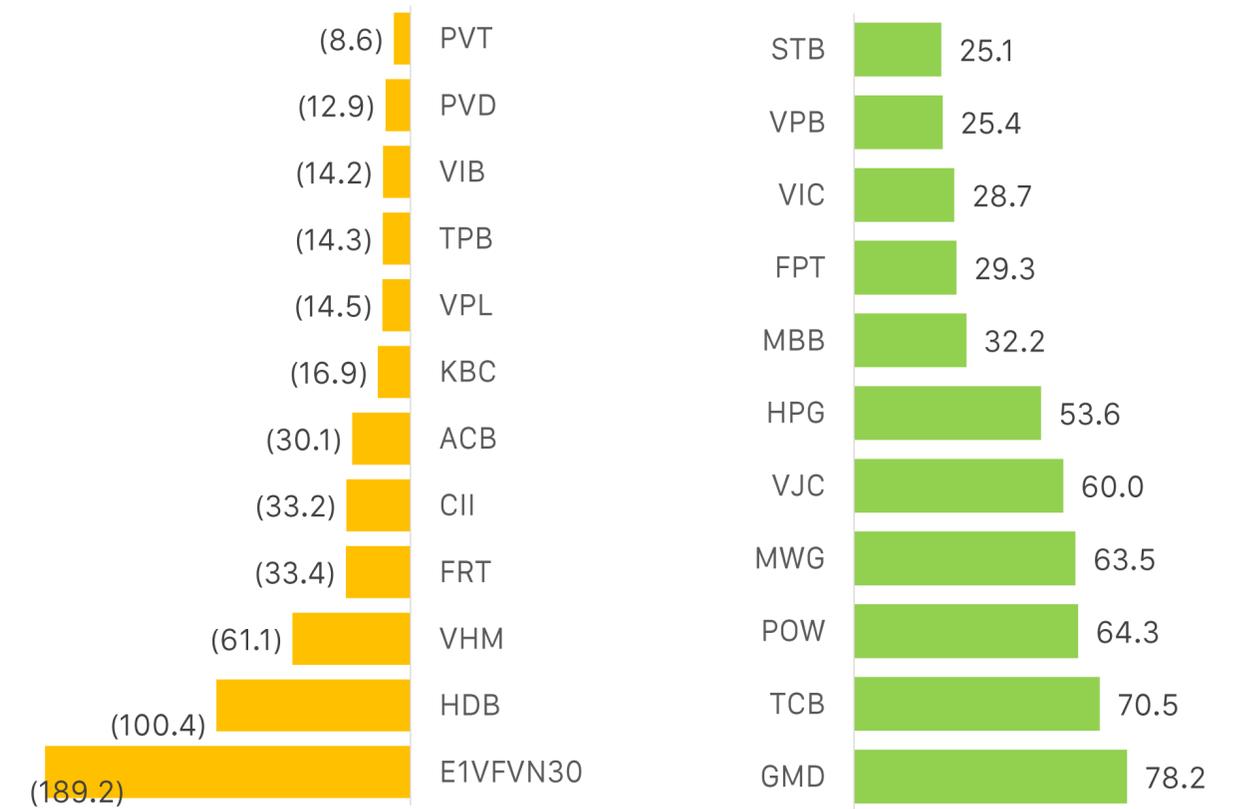
# TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



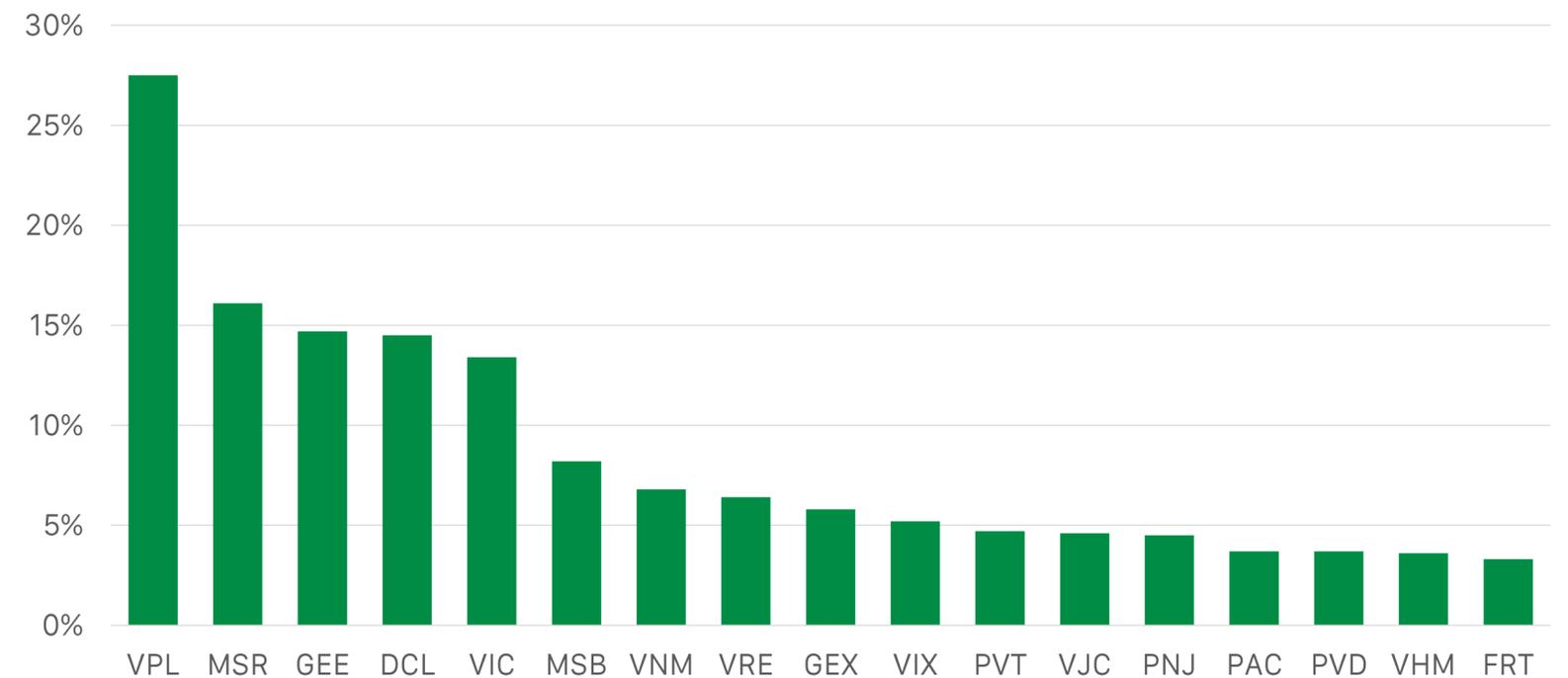
- Tự doanh mua vào hơn 4000 tỷ, tăng đến 22% so với tuần trước đó trong khi bán ra 3,150 tỷ - giảm 6%. Như vậy tuần vừa qua tự doanh mua ròng khoảng 934 tỷ đồng. Đây là tuần lễ thứ 3 liên tiếp tự doanh các công ty chứng khoán mua ròng. Dù giá trị vẫn ở mức trung bình thấp.
- HDB là cổ phiếu bán ròng nhiều nhất trong tuần với khoảng 100 tỷ đồng. VHM, FRT, CII cũng bị bán ròng mạnh khi giá các cổ phiếu này tăng mạnh. Một số cổ phiếu ngân hàng cũng bán ròng như ACB, TPB, VIB.
- Phía mua ròng dòng tiền mua vào khá đều trong đó GMD mua ròng 78 tỷ. Một số bluechip mua khá có TCB, POW, MWG, VJC với giá trị mua ròng từ 60 đến 70 tỷ đồng. Ngược lại tự doanh mua ròng VIC ngược với khối ngoại. Một số cổ phiếu ngân hàng mua ròng nổi bật STB, VPB, MBB.

## Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	18.4%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Dịch vụ tài chính	26.7%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Bất động sản	13.9%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Hóa chất	3.3%	DPM, DCM, GVR	
Tài nguyên Cơ bản	7.7%	HPG, HSG, NKG	
Ô tô và phụ tùng	7.8%	HHS, HUT	
Bán lẻ	5.0%	MWG, DGW, PET	
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.6%	TCM, TNG, PNJ	
Viễn thông	1.6%	VGI	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.0%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	1.2%	PVD, PVS	
Thực phẩm và đồ uống	4.1%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	0.3%	CII, HHV, VCG	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.7%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Y tế	2.1%	DCL, DBD	
Công nghệ Thông tin	0.2%	FPT, CMG, ELC	
Truyền thông	0.1%	YEG	
Bảo hiểm	0.1%	BVH	
Du lịch và Giải trí	0.2%	HVN	

- Dòng tiền giao dịch nhóm ngân hàng giảm mạnh và chỉ còn chiếm khoảng 18% giá trị giao dịch toàn thị trường. Trong khi đó nhóm bất động sản nổi lên giao dịch chiếm đến 27% trong đó nhóm Vingroup chiếm lượng đáng kể nhất.
- Thanh khoản chung thị trường hầu như giảm xuống vì vậy không nhiều cổ phiếu có giao dịch nổi bật.
- Các cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần có VPL, MSR, GEE, VIC.

## Cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần



# CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT



Thị trường đang trong giai đoạn điều chỉnh và khả năng kịch bản xấu nhất Vnindex có thể thoái lui về quanh vùng 1500- 1550. Các nhóm cổ phiếu chứng khoán, BĐS hiện vẫn là những nhóm ngành rơi nhiều nhất. Mức độ phân hóa thị trường có thể gia tăng trong tuần sau.

Danh mục cổ phiếu quan tâm:

Ngân hàng: **OCB, MBB**

Bán lẻ, thực phẩm: **MWG, HAG**

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	OCB	15,000	23%	1,460	8.32	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lợi nhuận trước thuế của OCB quý III ghi nhận mức 1.538 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng lợi nhuận đạt 3.431 tỷ đồng, tăng 34,4% so với 9 tháng năm 2024.</li> <li>Thu thuần từ lãi tăng mạnh đến 17,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt 2.424 tỷ đồng nhờ vào việc tăng trưởng quy mô tín dụng</li> <li>Tăng trưởng tín dụng tăng 24% so với đầu năm, tập trung bán lẻ và SME, hỗ trợ tăng trưởng bền vững theo chiến lược tái cơ cấu.</li> <li>Tỷ lệ CASA tăng từ mức 14,9% ở cuối năm 2024 lên 16% vào cuối quý III/2025, góp phần tiết giảm chi phí vốn huy động.</li> </ul>
2	MBB	28,000	20%	3,020	7.72	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dư nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, trong đó dư nợ cho vay khách hàng tăng 20%</li> <li>Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2025 đạt 23.139 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ, hoàn thành 73% kế hoạch năm.</li> <li>Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của MB ở mức 1,87%, giảm 0,36% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu 80%, cao hơn bình quân toàn ngành.</li> <li>Ngân hàng phục vụ hơn 33,9 triệu khách hàng, ghi nhận hơn 9,6 tỷ giao dịch số trong 9 tháng; doanh thu kênh số chiếm ~ 40% tổng doanh thu hệ thống.</li> </ul>
3	MWG	90,000	25%	3,944	19.4	<ul style="list-style-type: none"> <li>MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng.</li> <li>BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY.</li> <li>MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động.</li> <li>MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.</li> </ul>
4	HAG	22,000	25%	1,194	13.3	<ul style="list-style-type: none"> <li>HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng.</li> <li>Triển khai 2.000ha dâu nuôi tằm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tầm tại Lào, dự kiến thu hoạch vào tháng 9-10/2025.</li> <li>Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.</li> </ul>

## Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	15,000
% tăng giá	23.5%
Vùng giá mua	11,500 - 12,000
Giá dừng lỗ	9,500

## Phân tích kỹ thuật

OCB đang trong kênh giảm giá do tác động chung của thị trường và xu hướng giá chung của ngành ngân hàng. Vùng giá thấp nhất trong năm là hỗ trợ mạnh quanh 11.5-12. OCB là cổ phiếu có độ nhạy thấp so với Vnindex và không cùng pha vì vậy khi thị trường chung giảm mạnh, giá OCB có thể giữ giá tốt hơn. Vùng mua thích hợp có thể chờ quanh 11.5 để giải ngân cho mục tiêu dài hạn.

## Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) vừa công bố báo cáo tài chính quý III/2025 với lợi nhuận trước thuế đạt 1.538 tỷ đồng, tăng gấp ba lần so với cùng kỳ, nhờ hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng mạnh mẽ. Lũy kế 9 tháng, lợi nhuận đạt 3.431 tỷ đồng, tăng 34,4% so với năm trước, hoàn thành vượt bậc kế hoạch năm.
- Tổng thu thuần quý III đạt 2.931 tỷ đồng, tăng 27,9%. Thu lãi thuần tăng 17,4% lên 2.424 tỷ đồng nhờ mở rộng tín dụng. Thu ngoài lãi bù đắp 123,1% đạt 507 tỷ đồng, từ dịch vụ ngoại tệ và hoạt động khác, phản ánh chiến lược đa dạng hóa nguồn thu và tái cơ cấu hiệu quả.
- Sự phục hồi kinh tế đã hỗ trợ ngân hàng, với đầu tư công nghệ và quản trị rủi ro. Tỷ lệ giao dịch số đạt 98%, CASA tăng lên 16% từ 14,9% cuối 2024, giúp giảm chi phí vốn.
- Tính đến 30/9/2025, tổng tài sản đạt 315.162 tỷ đồng, hoàn thành 99% kế hoạch. Huy động thị trường 1 tăng 14,3% lên 219.998 tỷ đồng; dư nợ tín dụng tăng 12,4% lên 202.863 tỷ đồng, tập trung bán lẻ và SME (tăng 10,1% quý III). OCB ra mắt sản phẩm vay nhanh cho SME với hạn mức 10 tỷ đồng, phê duyệt trong 8 giờ.
- OCB tiếp tục thúc đẩy kinh doanh bền vững, dư nợ tín dụng xanh tăng 30% so với 2023. Ngân hàng lọt Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2025, gắn kết kinh doanh với trách nhiệm xã hội. Dự kiến năm 2025, OCB đặt mục tiêu lợi nhuận tăng 33%, tổng tài sản tăng 13% lên 316.779 tỷ đồng.



OCB	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Tỉ lệ CASA	11.6%	15.1%	10.6%	11.9%	14.4%	15.5%
CAR (%)	13.0%	12.3%	12.8%	13.3%	12.5%	12.5%
Tăng trưởng tín dụng (%)	25.5%	14.3%	17.1%	22.4%	16.3%	24.2%
EPS (VND)	3,193	3,185	2,562	1,608	1,275	1460
P/B	1.6	1.1	0.8	0.8	0.9	1.0
BVPS (VND)	15,910	15,917	18,448	13,887	12,844	12,260
ROE (%)	24.4%	22.5%	14.9%	12.3%	10.5%	12.0%
NIM (%)	3.9%	3.6%	3.9%	3.3%	3.5%	3.3%
LDR (%)	101.3%	102.2%	115.7%	114.9%	118.1%	124.2%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	1.7%	1.3%	2.2%	2.7%	3.2%	3.7%
Dự phòng RR/ Nợ xấu (%)	62.1%	82.7%	59.5%	64.1%	47.1%	40.6%
Vốn CSH/ Tài sản	11.4%	11.8%	13.0%	11.9%	11.3%	10.4%

## Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	28,000
% tăng giá	20%
Vùng giá mua	21,000 - 22,000
Giá dừng lỗ	19,000

## Phân tích kỹ thuật

MBB đang trong xu hướng giảm trung hạn theo xu hướng chung của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Từ đầu năm đến nay MBB đã tăng giá trên 70% lên vùng đỉnh cao nhất 30 vì vậy mức độ điều chỉnh là hợp lý. Vùng hỗ trợ MBB quanh 20-21 là đường MA200 dài hạn. Các vị thế tích lũy có thể mở ra khi giá về quanh vùng này. Mục tiêu trung và dài hạn của MBB là 28.

## Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Ngân hàng TMCP Quân đội MBB công bố kết quả kinh doanh hợp nhất 9 tháng đầu năm 2025, ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, hiệu quả và chất lượng tài sản, khẳng định sức bật nội lực giữa thị trường biến động.
- Tổng tài sản đạt 1.329 triệu tỷ đồng, tăng 17,7% so với đầu năm, thuộc nhóm cao nhất hệ thống. Dự nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, với dư nợ cho vay khách hàng tăng 20%, SME tăng 18,5%, bán lẻ tăng 15,8%. Doanh thu (TOI) đạt 48.165 tỷ đồng, tăng 24%; thu thuần dịch vụ tăng 40% so với cùng kỳ.
- Tiền gửi khách hàng đạt 788 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3%; CASA đạt 292 nghìn tỷ đồng, tăng 27%, dẫn đầu thị trường, giúp tối ưu chi phí vốn. Lợi nhuận trước thuế đạt 23.139 tỷ đồng, tăng 12%, hoàn thành 73% kế hoạch năm. CIR giảm còn 27,9%; nợ xấu 1,87%, bao phủ 80%.
- MB dẫn đầu chuyển đổi số, phục vụ 33,9 triệu khách hàng, 9,6 tỷ giao dịch số; doanh thu kênh số chiếm 40%. Mới đây, MB tổ chức diễn đàn MB Economic Insights 2025, quy tụ 400 doanh nghiệp xuất nhập khẩu, chia sẻ giải pháp kinh tế toàn diện. Dự kiến tăng trưởng tín dụng cả năm 25-30%, chủ động mua lại 212 tỷ trái phiếu. MB cam kết phát triển bền vững, hướng tới ngân hàng xanh, đồng hành doanh nghiệp và cộng đồng.



MBB	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Tỉ lệ CASA	37.0%	44.6%	37.6%	38.1%	38.0%	35.9%
CAR (%)	10.4%	11.3%	11.5%	10.8%	11.8%	11.8%
Tăng trưởng tín dụng (%)	18.9%	20.7%	26.4%	33.7%	27.6%	32.8%
EPS (VND)	2,756	3,146	3,856	3,966	3,931	692
P/B	1.7	1.2	1.3	1.3	1.1	1.5
BVPS (VND)	17,117	15,768	16,751	17,786	21,135	15,822
ROE (%)	19.2%	23.6%	25.8%	24.5%	22.1%	20.2%
NIM (%)	4.7%	5.0%	5.7%	4.8%	4.1%	4.0%
LDR (%)	94.5%	92.2%	101.1%	105.6%	107.1%	116.5%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	1.1%	0.9%	1.1%	1.6%	1.6%	1.9%
Dự phòng RR/ Nợ xấu (%)	134.1%	268.0%	238.0%	117.0%	92.2%	79.2%
Vốn CSH/ Tài sản	10.1%	10.3%	10.9%	10.2%	10.4%	10.0%

## Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	90,000
% tăng giá	13.1%
Vùng giá mua	64,000 – 66,000
Giá dừng lỗ	59,000

## Phân tích kỹ thuật

MWG đang suy giảm từ vùng đỉnh cao 80 xuống gần 70 theo áp lực chung của thị trường. Vùng hỗ trợ mạnh MWG quanh 66-70 nơi hội tụ nhiều lực mua lớn trước đây.

Các vị thế mua mới có thể mở khi MWG rơi xuống gần vùng giá 70. MWG đang là công ty đang tăng trưởng vì vậy giá sẽ hồi phục và tăng trưởng sau giai đoạn điều chỉnh. Mục tiêu từ 3-6 tháng tới quanh vùng giá 90.

## Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG - HoSE) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2025 với doanh thu thuần hơn 39.850 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.783 tỷ đồng, tăng 17% và 120% so với cùng kỳ - mức cao nhất lịch sử. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 113.600 tỷ đồng, tăng 14%; lợi nhuận sau thuế xấp xỉ 5.000 tỷ đồng, tăng 72%, vượt kế hoạch năm.

Chuỗi Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh đóng góp 76.500 tỷ đồng, tăng hai chữ số dù tinh gọn cửa hàng. Bách Hóa Xanh ghi nhận 34.400 tỷ đồng, nhờ mở thêm 520 cửa hàng, tập trung miền Trung và cải thiện hàng tươi sống, tiêu dùng nhanh.

Doanh thu tài chính đạt 2.270 tỷ đồng, gấp ba lần cùng kỳ từ lãi tiền gửi và đầu tư ngắn hạn. Tổng tài sản cuối quý III đạt 80.300 tỷ đồng, tăng 10.000 tỷ so đầu năm; tiền gửi và trái phiếu 38.400 tỷ đồng.

MWG vận hành 5.880 cửa hàng, bao gồm 2.290 Bách Hóa Xanh, An Khang và 144 cửa hàng Indonesia; nhân sự giảm còn 61.201 người.

Mới đây, MWG tách An Khang và AvaKids thành hai công ty con vốn 2.700 tỷ đồng (2.200 tỷ cho An Khang, 500 tỷ cho AvaKids) để chuyên biệt hóa hoạt động.

Chuỗi EraBlue đã chính thức về đích sớm ngay trong tháng 10 – vượt mốc 150 cửa hàng và vượt kế hoạch lợi nhuận 18 tỷ Rp đặt ra trong năm 2025. Đây là kết quả đáng khích lệ với MWG tạo đà bứt phá cho năm 2026 và chu kỳ tăng trưởng 2026–2030 của MWG

Công ty cũng lên kế hoạch mua lại 10 triệu cổ phiếu quỹ, chi tối đa 2.000 tỷ đồng. Kế hoạch mở rộng Bách Hóa Xanh: tiến ra miền Bắc năm 2026, mở mới 1.000 cửa hàng/năm.



MWG	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Doanh thu (tỷ VND)	108,546	122,958	133,405	118,280	134,341	113,607
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,918	4,899	4,100	168	3,722	4,989
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	23,954	27,632	30,862	22,521	27,499	22,247
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(594)	(674)	(1,362)	(1,448)	(1,137)	(1,086)
KLCP DLH (triệu CP)	453	713	1,464	1,463	1,462	1,480
VCSH (tỷ VND)	15,482	20,378	23,933	23,360	28,122	31,797
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	46,031	62,971	55,834	60,111	70,438	80,288
Book Value	34,160	28,578	16,349	15,963	19,232	21,489
EPS	8,644	6,870	2,801	115	2,545	3,944
ROE	25.3%	24.0%	17.1%	0.7%	13.2%	13.7%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	15,625	24,647	10,688	19,129	27,300	28,706
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	1,127	-	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	16,752	24,647	16,589	25,114	27,300	28,706
Nợ Vay/VCSH	108.2%	120.9%	69.3%	107.5%	97.1%	90.3%

## Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	22,000
% tăng giá	12.4%
Vùng giá mua	16,000 – 17,000
Giá dừng lỗ	14,000

## Phân tích kỹ thuật

HAG vừa vượt qua khỏi vùng giá tích lũy 13-14 và tạo vùng đỉnh mới gần 15. Đây là mục tiêu ngắn hạn mà chúng tôi thiết lập trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn trong trạng thái tích cực với RSI trên 50. MACD đã hoàn thành giai đoạn tích lũy và hình thành đợt tăng mới. Động lực của HAG hiện vẫn mạnh và chưa thấy tín hiệu đảo chiều. Chúng tôi nâng mục tiêu của HAG lên vùng giá 18 và có thể hướng đến 20 từ 1 đến 3 tháng tới.

## Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- HAG đã có thời gian tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả trong thời gian qua. Hoạt động kinh doanh đang dần có dấu hiệu khởi sắc với lợi nhuận năm 2024 tiếp tục duy trì lên 1000 tỷ đồng. 9 tháng.2025 HAG đạt doanh thu 5,603 tỷ đồng và lợi nhuận 1312 tỷ- tăng 30% so với cùng kỳ. Năm 2025, HAG đặt mục tiêu doanh thu 5,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 1,100 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. HAGL cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực mới, bao gồm trồng 2.000ha dâu nuôi tằm để sản xuất tơ xuất khẩu và 2.000ha cà phê Arabica. Song song đó, dự án nuôi cá tằm đang được thí điểm tại Lào với 700.000 con giống, dự kiến cho thu hoạch lứa đầu vào tháng 9 - 10 năm nay.
- Vừa qua các cổ đông lớn của HAG đã có những động thái mới đáng chú ý. Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức (bầu Đức) đã hoàn tất mua vào 10 triệu cổ phiếu HAG trong phiên 19/6 vừa qua theo hình thức thỏa thuận. Sau thương vụ, bầu Đức sở hữu 330 triệu cổ phiếu HAG, nâng tỷ lệ nắm giữ từ 30,26% lên 31,2% cổ phần. 2 Thành viên HĐQT cũng đăng ký mua vào 1 triệu cổ phiếu từ ngày 23/6 - 22/7.
- Theo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, công ty sẽ trồng 2.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025. Sau khi đã triển khai trồng thực tế đủ 2.000 ha này, Hoàng Anh Gia Lai quyết định đầu tư thêm 1.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025, nâng tổng diện tích lên 3.000 ha. Hoàng Anh Gia Lai muốn niêm yết Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai trong năm 2026 và niêm yết Công ty cổ phần Gia Súc Lơ Pang trong năm 2027.



HAG	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Doanh thu (tỷ VND)	3,177	2,097	5,111	6,932	5,783	5,603
Lợi nhuận (tỷ VND)	(1,256)	203	1,129	1,709	1,013	1,312
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	206	507	1,173	1,364	2,172	2,214
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(1,254)	(972)	(793)	271	(716)	(564)
KLCP DLH (triệu CP)	927	927	927	927	1,057	1,267
VCSH (tỷ VND)	10,028	4,673	5,195	6,726	9,326	13,284
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	37,266	18,440	19,798	21,528	22,281	27,744
Book Value	10,812	5,039	5,601	7,252	8,819	10,481
EPS	(1,354)	219	1,217	1,843	958	1,194
ROE	-12.5%	4.3%	21.7%	25.4%	10.9%	8.6%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	8,772	2,510	4,000	4,829	5,748	6,257
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	9,331	5,777	4,165	3,082	1,217	2,115
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	18,103	8,286	8,166	7,910	6,965	8,371
Nợ Vay/VCSH	180.5%	177.3%	157.2%	117.6%	74.7%	63.0%

# LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
-------	-------	-------	-------	-------

 Báo cáo cung cấp cái nhìn sâu sắc về sức khỏe của ngành sản xuất Mỹ. Con số trên 50 cho thấy sự mở rộng, dưới 50 là thu hẹp. Nếu số liệu mạnh hơn dự kiến, có thể củng cố niềm tin vào nền kinh tế Mỹ và hỗ trợ Đô la Mỹ

 Cung cấp thông tin về hoạt động của khu vực sản xuất tư nhân ở Trung Quốc, vốn đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Cải thiện số liệu sẽ hỗ trợ tâm lý thị trường toàn cầu, đặc biệt là các đồng tiền liên quan đến hàng hóa (AUD, NZD) và có thể giúp tăng giá đồng/kim loại công nghiệp.

 Chỉ số Giá Tiêu dùng (CPI) Sơ bộ, Khu vực đồng Euro. Đây là chỉ số quan trọng đo lường lạm phát trong khu vực Eurozone, tác động trực tiếp đến chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB).

 Quyết định lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (dự kiến). Dù không phải lúc nào cũng được công bố chính thức vào một ngày cố định, các động thái chính sách của NHNN về lãi suất, tỷ giá luôn được theo dõi sát sao. Các động thái cắt giảm lãi suất (nếu có) sẽ thúc đẩy thị trường chứng khoán Việt Nam (VN-Index) và hỗ trợ tăng trưởng tín dụng.

 Dữ Công bố số liệu bán lẻ khu vực Eurozone, cùng cân đối thương mại một số nền kinh tế (theo lịch tổng quát). Bán lẻ tốt → tín hiệu tiêu dùng mạnh, hỗ trợ cổ phiếu bán lẻ và tăng trưởng châu Âu.

 Dữ liệu Cán cân Thương mại, Hàn Quốc. Phản ánh sức khỏe của ngành xuất khẩu Hàn Quốc, một chỉ số quan trọng về nhu cầu toàn cầu và tình hình thương mại khu vực Châu Á. Thặng dư thương mại lớn (hoặc thâm hụt giảm) cho thấy nhu cầu toàn cầu mạnh mẽ, hỗ trợ Won Hàn Quốc (KRW) và tâm lý thị trường châu Á.

 PMI Quyết định Lãi suất của Fed, Mỹ. Nếu Fed có cuộc họp chính sách theo lịch trình vào ngày này, đây sẽ là sự kiện tài chính quan trọng nhất tuần, quyết định về lãi suất cơ bản và triển vọng kinh tế.

 Bài phát biểu của Thống đốc Ngân hàng Nhật Bản (BOJ). Các tuyên bố của Thống đốc BOJ về chính sách kiểm soát đường cong lợi suất (YCC) và lạm phát sẽ được thị trường theo dõi chặt chẽ.

 Báo cáo Bảng lương Phi nông nghiệp (NFP) và Tỷ lệ Thất nghiệp, Mỹ. Đây là báo cáo toàn diện và quan trọng nhất về thị trường lao động Mỹ, ảnh hưởng lớn đến quyết định chính sách của Fed. NFP mạnh hơn và Tỷ lệ Thất nghiệp giảm sẽ củng cố luận điểm Fed thắt chặt, làm tăng lợi suất trái phiếu, tăng Đô la Mỹ, và gây áp lực lên chứng khoán.

 Phát hành Chỉ số PMI Dịch vụ, Khu vực đồng Euro. Chỉ số đo lường sức khỏe của ngành dịch vụ Eurozone, ngành đóng góp lớn nhất vào GDP khu vực. Cải thiện số liệu PMI cho thấy nền kinh tế khu vực phục hồi tốt, hỗ trợ Euro. Số liệu yếu sẽ gây lo ngại về suy thoái và giảm giá Euro.

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	HDM	UPCoM	24/12/2025	25/12/2025	26/01/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CCC	HOSE	24/12/2025	25/12/2025	22/01/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	CCC	HOSE	24/12/2025	25/12/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 50:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
4	HTG	HOSE	18/12/2025	19/12/2025	19/01/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	BCF	HNX	15/12/2025	16/12/2025	23/01/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	PVM	UPCoM	12/12/2025	15/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	TVT	HOSE	12/12/2025	15/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	THG	HOSE	9/12/2025	10/12/2025	24/12/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	DRL	HOSE	9/12/2025	10/12/2025	24/12/2025	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	DCH	UPCoM	9/12/2025	10/12/2025	29/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	NTH	HNX	8/12/2025	9/12/2025	25/12/2025	Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SSI	HOSE	8/12/2025	9/12/2025		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 5:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
13	TBC	HOSE	4/12/2025	5/12/2025	25/12/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	GDW	HNX	4/12/2025	5/12/2025	16/12/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 986 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	LBM	HOSE	3/12/2025	4/12/2025	19/12/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	VGP	HNX	3/12/2025	4/12/2025	26/12/2025	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	IDC	HNX	3/12/2025	4/12/2025	23/12/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	BHA	UPCoM	2/12/2025	3/12/2025	12/12/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	CHS	UPCoM	2/12/2025	3/12/2025	19/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	KTC	UPCoM	2/12/2025	3/12/2025	26/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

### Phòng phân tích

Email: [research@ocbs.com.vn](mailto:research@ocbs.com.vn)



**THANK YOU**